

# Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu: Công và Tội

Nguyễn Đạt Thịnh



Lịch sử sau này sẽ phán xét công và tội của ông Thiệu nhưng rõ ràng là ông vẫn có trách nhiệm rất lớn trong sự sụp đổ của chế độ VNCH mà không ai có thể phủ nhận được. Sau 33 năm, nhiều người Việt Nam vẫn nhớ đến thành quả đáng chú ý của nền đệ nhị cộng hòa, những cố gắng của Nguyễn Văn Thiệu cùng một lúc vừa chống Cộng, vừa bình định Miền Nam Việt Nam để so sánh với những sai lầm, thất bại, hèn hạ của lãnh đạo CSVN; nhất là khi chế độ cộng sản Việt Nam tỏ ra khiếp nhược, run sợ và lụy thuộc CSTQ và tư bản phương Tây sau nhiều năm lên án “ông Diệm & ông Thiệu đã được người Mỹ đưa lên cầm quyền, làm tay sai cho đế quốc Mỹ”. Những

gì ông Thiệu làm được, chúng ta thực sự biết ơn và trân trọng song chúng ta cũng cần phải thấy là những sai lầm của ông Thiệu rõ ràng đã gây ra những hậu quả tai hại cho hàng chục triệu người Việt Nam sau khi CSVN chiếm được cả nước. Điều mà nhiều người muốn nghe một lời giải thích từ ông Thiệu là:

- Vì sao ông quyết định rút quân ở vùng 1 & 2 trong những tháng đầu năm 1975 đưa đến ngày 30-4-1975?

- Vì sao ông (và những người từng lãnh đạo nền đệ nhị cộng hòa) không hề có một hành động, cử chỉ hay lời nói nào để bày tỏ “thiện chí” với những quân-cán-chính đã ở lại trong nước & bị tù “cải tạo”, những đồng bào vượt biên ở các trại tị nạn hay vừa mới định cư ở xứ người trong suốt 20 năm (1975-1995)?



**Tiểu sử:** Nguyễn Văn Thiệu sinh ngày 5 tháng 4 năm 1923, tại làng Tri Thủy, xã Tân Hải, quận Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi tốt nghiệp lớp 9, ông lên Sài Gòn để học nghề. Tuy nhiên, không lâu sau, ông đăng ký vào khóa đầu trường Sĩ quan quân đội Việt Nam, sau trở thành trường Võ bị Đà Lạt. Năm 1949, ông tốt nghiệp với quân hàm Thiếu úy, tham gia binh nghiệp trong lực lượng người Việt trong quân đội Liên hiệp Pháp.

Sau khi Pháp rút khỏi Việt Nam, năm 1955 ông gia nhập Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, với quân hàm Trung tá, giữ chức Chỉ huy trưởng Trường Võ bị Đà Lạt. Đến năm 1962, ông giữ chức Tư lệnh Sư đoàn 5 bộ binh, hàm Đại tá.

Năm 1963, ông tham gia lực lượng đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình

Diệm. Sau đảo chính, ông được phong hàm Thiếu tướng. Khi tướng Nguyễn Khánh thực hiện “chỉnh lý”, nắm quyền lãnh đạo chính quyền, ông được cử giữ chức Tham mưu trưởng sau đó được cử giữ chức Tổng trưởng Quốc phòng. Năm 1965, ông được thăng Trung tướng. Cũng năm này, chính phủ của Thủ tướng Phan Huy Quát đã giải tán và trao quyền lãnh đạo quốc gia lại cho Hội đồng tướng lĩnh. Hội đồng tướng lĩnh đã bầu ông giữ chức Chủ tịch “Hội đồng lãnh đạo Quốc gia” và tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ tịch “Ủy ban Hành pháp Trung ương”. Ông trở thành Quốc trưởng và tướng Kỳ trở thành Thủ tướng của chính phủ mới.

Năm 1967, Nguyễn Văn Thiệu được bầu làm tổng thống, với 38% số phiếu. Ông giữ chức này cho đến khi chính quyền Sài Gòn sụp đổ vào đầu năm 1975 (Xem Sự kiện 30 tháng 4 năm 1975). Thời kỳ này chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cần sự giúp đỡ của Hoa Kỳ nhiều hơn chính phủ của Ngô Đình Diệm. Ông Thiệu là người sáng lập đảng Dân chủ (Việt Nam). Ông đã tập trung quyền lực vào ngành hành pháp, làm suy yếu quyền của ngành lập pháp (quốc hội).

Năm 1969, Tổng thống Thiệu kêu gọi hòa bình bằng cách đề nghị bầu cử bao gồm cả lực lượng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam nhưng Phó Tổng thống Kỳ đã cảnh báo rằng bất kỳ nỗ lực nào để Liên minh với Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đều rất nguy hiểm. Cũng trong năm này, Nguyễn Văn Thiệu đã vượt quyền hiến pháp, cụ thể là điều luật quy định sự bất khả xâm phạm của dân biểu, để bắt giữ và mở tòa án quân sự kết án dân biểu Trần Ngọc Châu 10 năm khổ sai, sau khi vị dân biểu này đề nghị lập một đoàn gồm các nhà lập pháp Việt Nam Cộng hòa ra Bắc để đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.



Năm 1971, Việt Nam Cộng hòa tổ chức bầu cử tổng thống. Sau cố gắng không thành công của Nguyễn Văn Thiệu nhằm gạt Nguyễn Cao Kỳ ra khỏi cuộc đua, Dương Văn Minh rút lui không tiếp tục tham gia tranh cử, Nguyễn Cao Kỳ từ chối thế chỗ ông. Cuối cùng, cuộc bầu cử trở thành một cuộc trưng cầu dân ý mà Nguyễn Văn Thiệu đạt được 94% số phiếu.

Năm 1973, sau khi ký kết Hiệp định Paris, Mỹ triệt thoái hoàn toàn quân đội ra khỏi miền Nam. Một thời gian ngắn sau đó Hoa Kỳ cũng cắt giảm hầu hết các kinh phí viện trợ cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa khiến khả năng quân sự của chính quyền bị suy giảm nặng. Tháng 3 năm 1975, sau khi Ban Mê Thuột (nay gọi là Buôn Ma Thuột) bị quân đội chính qui miền bắc đánh chiếm, quân đội miền nam phản



kích thất bại, Nguyễn Văn Thiệu tỏ ra lúng túng và quyết định rút bỏ cao nguyên. Sai lầm chiến lược đó đã đưa đến những cuộc tháo chạy hỗn loạn khỏi các tỉnh Tây Nguyên và bị Quân giải phóng miền Nam tấn công gây thiệt hại nặng. Sau đó các tỉnh miền Trung cũng thất thủ.

Khi Quân giải phóng miền Nam sắp giành được chiến thắng, ông từ chức vào ngày 21 tháng 4 năm 1975, 9 ngày trước khi Việt Nam Cộng hòa đầu hàng vô điều kiện. Phó tổng thống Trần Văn Hương thay làm tổng thống.

Đêm 25 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Văn Thiệu rời Việt Nam với tư cách là đặc sứ của Việt Nam Cộng hòa đến Đài Bắc để phúng điệu Tưởng Giới Thạch. Sau đó, ông đến Anh định cư. Ông sống một cuộc sống thâm lặng trong quãng đời còn lại và qua đời vào ngày 29 tháng 9 năm 2001 tại Boston, Massachusetts, Hoa Kỳ.

## Nguyễn Văn Thiệu và Hiệp định Paris:

Ông chính là người phản đối quyết liệt nhất việc ký kết Hiệp định Paris vào lúc đó, vì theo ông việc đó sẽ làm cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có được lợi thế đáng kể so với Việt Nam Cộng hòa. Cụ thể là người Mỹ sẽ chấm dứt những cam kết và ủng hộ của mình đối với Việt Nam Cộng hòa, đồng nghĩa với việc viện trợ cho chính phủ của ông bị cắt giảm và ưu thế quân sự sẽ nghiêng về phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nguyễn Văn Thiệu đã cố tình trì hoãn việc đồng ý ký kết hiệp định, nhưng phía Mỹ đã có quyết định dứt khoát về việc này và gây áp lực cho chính phủ của ông, trong thư của Tổng thống Nixon gửi ông vào ngày 16 tháng 1 có đoạn: “Tôi đã quyết định dứt khoát sẽ ký tắt hiệp định vào ngày 23 tháng 1 năm 1973 tại Paris. Nếu cần tôi sẽ làm đúng như nói trên một mình. Trong trường hợp đó tôi phải giải thích công khai rằng chính phủ của ông cản trở hòa bình. Kết quả sẽ là sự chấm dứt không tránh khỏi và lập tức viện trợ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ – và một sự thay đổi nhân sự trong chính phủ của ông khó mà nói trước”. Kết quả là Nguyễn Văn Thiệu chấp nhận ký kết hiệp định một cách miễn cưỡng, mặc dù đã được phía Mỹ cam kết sẽ đảm bảo sự tồn tại của Việt Nam Cộng hòa.



## Nhận xét

Nguyễn Văn Thiệu đã bị phê phán về sự liêm khiết trong khi tại chức tổng thống, cũng như về khả năng lãnh đạo quân sự. Mặt khác, ông cũng đã có ý kiến chống đối với chính phủ Mỹ về văn bản chính thức của Hiệp định Paris, thực tế sau này cho thấy nhận thức của ông về sự thất bại có thể xảy ra cho miền Nam nếu chấp nhận văn bản đó là đúng đắn. (Cuối cùng, dưới áp lực của Mỹ, chính phủ của Việt Nam Cộng hòa đã bị buộc kí vào hiệp định Paris).

Vào năm 1992, ông đã lên tiếng tố cáo sự xích lại gần nhau giữa chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhưng ít lâu sau ông lại có ý muốn tham gia vào các cuộc thảo luận hòa giải dân tộc, điều này đã làm một số người cực đoan tức giận, còn tướng Trần Văn Đôn nhận xét qua hồi ký của mình(xuất bản năm 1997) thì ông Thiệu là người thức thời với chủ trương đối thoại với người trong nước.



## Đánh giá của người trong cuộc

Tướng Cao Văn Viên, trong một cuộc phỏng vấn lúc cuối đời, đã có một số nhận xét về Nguyễn Văn Thiệu cũng như so sánh giữa Nguyễn Văn Thiệu và Ngô Đình Diệm: “Mỗi người độc tài theo cách riêng. TT Diệm cai trị nước như một quan lại của thời quân chủ, ông bẩm sinh chống cộng, tự ban cho mình “thiên mạng” cứu nước. ...TT Diệm tự hào về dân tộc, tự đại về gia đình, thích độc thoại, không chấp nhận dễ dàng sự chỉ trích. Ông chủ trương “tiết trực tâm hư” nhưng bị ảnh hưởng nặng của gia đình. Còn ông Thiệu thì theo đường lối “độc tài trong dân chủ”, vô ngoài dân chủ nhưng bên trong chi phối cả hai ngành lập pháp và tư pháp. Bàn tay sắt trong đôi găng nhung. Vì không vững kiến thức như ông



Diệm, ông Thiệu chịu khó thăm dò ý kiến của các chuyên viên, lắng nghe, đúc kết lại để quyết định một mình. TT Diệm dễ tin người xu nịnh nên dễ bị phản trắc. Ông Thiệu đa nghi Tào Tháo và không e ngại ban phát ân huệ để tạo phe cánh và chia rẽ đối phương như ông đã làm tại Quốc hội. Ông chủ trương “làm chính trị phải lì”. Bởi thế TT Thiệu “lật” ông Kỳ không khó và tồn tại lâu hơn TT Diệm nhưng ông không khí khái bằng ông Diệm. Ông Thiệu mưu sĩ, ông Diệm đạo đức. Những năm tại chức, Ông Thiệu bị ám ảnh bởi cái chết của TT Diệm. Đảng Cần Lao – dựa vào thuyết Cần Lao Nhân Vị – tổ chức quy củ hơn, với sự chỉ huy trực tiếp của hai ông Nhu và Cần, đi sâu vào Quân Đội với các quân ủy, như CS. Đảng Dân chủ yếu hơn, không dựa vào cương lĩnh vững chắc nào, chỉ có hình thức, được ông Thiệu thành lập để củng cố địa vị, không có ảnh hưởng trong Quân đội và quần chúng.”

### Câu nói nổi tiếng:

*Đừng nghe những gì Cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm!*

- *Ăn cơm Quốc gia thờ ma Cộng sản (Biếm chỉ Cộng sản nằm vùng khủng bố miền Nam Việt Nam trước năm 1975)*
- *Công đức ngàn đời con tố mẹ, tình nghĩa trăm năm vợ tố chồng (Biếm chỉ chính sách đấu tố của Cộng sản)*
- *Đất nước còn, còn tất cả; cộng sản thắng, mất tất cả.*
- *Tôi mà tham những thì cái chính phủ này sẽ sụp đổ chỉ trong 3 ngày!*
- *Nếu Hoa Kỳ mà không viện trợ cho chúng tôi nữa thì không phải là một ngày, một tháng hay một năm mà chỉ sau 3 giờ, chúng tôi sẽ rời khỏi Dinh Độc Lập!*
- *Làm kẻ thù của Mỹ thì dễ, làm bạn với Mỹ thì rất khó.*
- *Sống không có tự do là đã chết.*
- *Mỹ còn viện trợ, thì chúng ta còn chống cộng .*



### Ngày Quân Lực 19-6-2005, nhớ lại Cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, và cuộc chiến chống Cộng Sản Bắc Việt xâm lăng VNCH.

*Kính nhớ tất cả Anh Hùng Liệt Nữ VN, đã vị quốc vong thân.*

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã vĩnh viễn ra đi nhưng ý chí chống cộng quyết liệt của Ông, đã nổi bật trong những năm đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo Quốc Gia (6/1965 -4/1975) và đã chứng minh qua câu nói hùng hồn, bất hủ “Đừng nghe những gì cộng sản nói, hãy nhìn những gì cộng sản làm”.

Tổng thống Ngô Đình Diệm có công giữ vững VNCH trong chín năm và Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu,



là người đã tiếp tục lèo lái con thuyền Quốc-Gia, chiến đấu trong điều kiện vô cùng khó khăn, dầu sôi lửa bỏng trước áp lực bành trướng của cộng sản quốc tế, trong lúc đồng minh Hoa Kỳ lúc đó, không bao giờ có thực tâm yểm trợ hữu hiệu cho QLVNCH. Nhưng với quyết tâm của TT.Thiệu, chính phủ và toàn dân, cũng như sức chiến đấu anh dũng của

quân đội Miền Nam. Nhờ vậy VNCH mới tồn tại được cho tới ngày 30-4-1975. Và bây giờ dù ai có thương ghét, hoan hô hay đả đảo, thì cựu Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu, cũng đã trở thành người thiên cổ vào ngày 29-9-2001, tại Boston, tiểu bang Massachusetts, Hoa Kỳ, hưởng thọ 78 tuổi. Ông mất để tự mình chấm dứt những oan khiên, lụy phiền chồng chất. Tất cả đều là hậu quả tất yếu của mười năm làm người lãnh đạo VNCH, chống lại cuộc xâm lăng của cộng sản Bắc Việt. Đây là một cuộc chiến bi thảm nhất của dân tộc VN, vì phải đương đầu với toàn khối cộng sản quốc tế, được tiếp tay công khai, bởi một số ít người, luôn được ưu tiên trong xã hội miền Nam lúc đó, suốt cuộc chiến. Đây là thành phần nguy hại của VNCH, gồm đám quan quyền đa số xuất thân từ lính Tây, bị thất sủng, hay vẫn đang tại chức nhưng bất mãn vì túi tham chưa đầy. Bên cạnh đó là một bọn người vong ơn bạc nghĩa, tất cả mang mặt nạ trí thức khoa bảng nhưng trái tim và cõi hồn thì bản tiện ích kỷ, trước những người lính trận, đã hết lòng liều chết, để bảo vệ mạng sống cho họ. Nhưng trên hết vẫn là nỗi buồn nhục tiểu VN, trước thái độ và hành động kiêu căng của đồng minh Hoa Kỳ, luôn ỷ vào đồng đô la viện trợ, bắt buộc VNCH phải phục tùng, rồi cuối cùng vì quyền lợi riêng tư, mà trở trăn bán đứng bạn bè cho cộng sản Bắc Việt vào ngày 30-4-1975.

Công hay tội của những người có liên hệ tới vận mệnh Quốc Gia Dân Tộc, dĩ nhiên ai cũng có quyền phê phán, khen chê theo ý kiến của mình, nhất là hiện nay, tất cả uẩn khúc của lịch sử gần như được phơi bày ra ánh sáng và ai cũng được đọc, biết hay nghe người khác kể. Cho nên tất cả phải dành cho lịch sử quyết định. Ngoài ra còn có cả bia đá và bia miệng, cũng là một phần của lịch sử, xưa nay không hề biết thiên vị ai, dù đó là vua chúa hay kẻ hèn nghèo trong xã hội.

Vì lịch sử không bao giờ tự bề cong ngòi bút và chạy theo đuôi phường mạnh, để phê phán hàm hồ. Bởi vậy mới có những câu chuyện sử về Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung, Quang Trung và cả Hồ Chí Minh, Dương Văn Minh.

Bỗng dưng cảm thấy nghẹn ngào, khi nghĩ tới số phận hẩm hiu của những vị lãnh đạo quốc gia cận đại, từ Cựu Hoàng Bảo Đại, cố Tổng thống Ngô Đình Diệm, Trần Văn Hương.. nay tới phiên cố Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Tất cả gần như không được ngủ yên nơi chín suối, chẳng những của bộ máy tuyên truyền cộng sản, mà tàn nhẫn hơn là do chính miệng của những người thường mệnh danh là sử gia, thật sự chỉ là những thợ viết không tim óc, thường mượn sự tự do quá trớn, để trả thù đời, sau khi đất nước trải qua một cuộc bể dâu tận tuyệt, ông xuống hàng chó và sâu bọ thành người. Ba mươi năm Việt Nam sống ngoi ngóp trong thiên đàng xã nghĩa, mới thật thấm thía và ý nghĩa biết bao về câu nói của người xưa, nay vẫn còn văng vẳng bên tai, hiển hiện trong mắt :” Đất nước còn thì còn tất cả – Đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm“.

Tóm lại điều quan trọng của chúng ta hôm nay, nhất là những sử gia hiện đại, có dám bắt chước Tư Mã Thiên hay ít nhất như Phạm Văn Sơn, Tạ Chí Đại Trường, Nguyễn Đức Phương, Phạm Phong Dinh.. dám đối diện với sự thật, để nói lên những điều tai nghe mắt thấy , qua sự hiểu biết của mình,



bằng lương tri và trái tim nhân bản VN. Những tên nguy hiểm, nguy sử, nguy quân tử của một thời hỗn mang điên loạn , giờ đã không còn thời cơ lên chức trời, để lấy giấy gói lửa hay dùng tay che mặt trời. Bởi vì hiện nay, gần như tất cả các vấn đề trên thế giới, kể cả Nga Sô-Trung Cộng..cũng đang lần hồi bạch hóa nhiều tài liệu lịch sử, có liên quan tới chiến cuộc Đông Đương, Đảng

và các nhân vật cộng sản quốc tế VN liên hệ, trong đó có chân tướng Hồ Chí Minh.

Đất nước hiện nay đang ngã nghiêng trong bảo tổ vì sự xâm lăng không tiếng súng của kẻ thù truyền kiếp Trung Cộng. Đảng và các chóp bu cộng sản VN đang theo gót đàn anh thuở trước, trong chính sách đu giũa giữa hai kẻ thù Tàu-Mỹ, hầu tìm một chỗ dựa để kéo dài quyền lực, được xây dựng trên máu xương sông máu VN, suốt bảy mươi lăm năm qua. Nhưng thời cơ đã thay đổi rồi, vận mệnh của đất nước, sớm muộn gì cũng do toàn dân định đoạt, chứ không phải do VC, Tàu, Nga hay Mỹ dù VC đang nắm quyền cả nước. Họ mới chính là những nhân chứng lương tâm cuối cùng của thời đại, để trả lời, minh oan và đòi lại công lý danh dự, cho những người Việt Quốc Gia và người Lính VNCH, qua bao thế hệ, đã hiến thân cho đại nghĩa dân tộc.

## 1 - THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CHÍNH TRỊ CỦA CỐ TT. THIỆU

Như hầu hết vua chúa từ cổ tới kim, thường vẽ chân cho rắn để tạo uy vũ cho người lãnh đạ.o. Thân thể của vị tổng thống đệ nhị cộng hòa miền Nam VN, cũng bị sự huyền hoặc và bói toán che phủ, làm cho ta không biết đâu là hư thực.

Theo các tài liệu hiện hành, TT Thiệu sinh ngày 5-4-1923 tại Ninh Chữ, quận Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận (Trung phần). Nhưng cũng có nguồn tin, đa số phát xuất từ những người chống đối, cho rằng Ông Thiệu vì tin vào các quân sư bói toán thân cận, nên đã đổi lại ngày sinh là 25-12-1924 dương lịch, nhằm ngày 18-11 năm Giáp Tý. Thật ra trong thời kỳ nhiễu nhương tại VN, việc khai trời sụt tuổi so với năm sinh, là một việc quá đỗi bình thường. Song le, đối với những vị lãnh đạo của đất nước, trực tiếp cầm đầu cuộc chiến đấu chống xâm lăng cộng sản Bắc Việt như cố Quốc trưởng Bảo Đại, TT Ngô Đình Diệm, TT. Trần văn Hương và Nguyễn Văn Thiệu..thì sẽ trở thành đề tài lớn để kẻ thù, những kẻ đố kỵ, ganh ghét, vin vào đó, để mĩa mai xuyên ta.c. Nhưng chuyện này chỉ có thể xảy ra ở Miền Nam trước năm 1975, chứ tuyệt đối, vĩnh viễn và sẽ chẳng bao giờ có thể xảy ra tại Miền Bắc trước tháng 4-1975 và cả nước từ đó tới nay. Nhiều danh từ và các câu chuyện trào phúng, hạ bực như ‘ Năm Chuột, Tám Thợ, Năm Lỳ..’, quá ư là tàn nhẫn, xuất hiện trên báo chí, sách vở và ngay cả những cái được gọi là sử liệu.

Nhưng đó cũng chỉ là một thiểu số với ác ý có mục tiêu. Riêng trong tâm tư của hầu hết quần chúng thâm lặng, thì sự thay đổi trên nếu có, cũng chẳng qua là một thái độ hợp thời, một hành động tâm lý, nhằm gây ấn tượng và tình cảm tốt đẹp đối với mọi người, khi vị nguyên thủ quốc gia, có chân mạng đế vương, xứng đáng nhận lãnh trọng trách lãnh đạo đất nước.

Về thân thể của TT Thiệu, hiện cũng có nhiều tài liệu đề cập tới nhưng tựu trung đều viết, Ông xuất thân từ một gia đình nghèo nhưng cũng đã theo học hết các bậc tiểu và trung học tại Thị Xã Phan Rang, tỉnh Ninh Thuâ.n. Sau đó vào Sài Gòn, học Trường Kỹ Thuật Đổ Hữu Vị (sau đổi là trường Cao Thắng) và cuối cùng là Trường Hàng Hải Dân Sự.

Theo Nguyễn Khắc Ngữ, trong tác phẩm ” Những ngày cuối cùng của VNCH “, xuất bản sau năm 1975 tại Canada, thì ông Thiệu :

- 1948, theo học khóa sĩ quan trung đội trưởng tại Trường Sĩ Quan Đập Đá ( Huế). Căn cứ vào kỷ yếu của Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, thì khóa này chính là Khóa 1 Phan Bội Châu của trường. Năm đó khóa này có 63 SVSQ theo học và thủ khoa là tướng Nguyễn Hữu Có, người mà mới đây, được VC cho lên đài truyền hình phỏng vấn, cùng với Nguyễn Hữu Hạnh..trong dịp kỷ niệm 30 năm, mừng VN được sống trong thiên đàng xã nghĩa, sau khi đất nước đã chấm dứt chiến tranh.

- 1949 mãn khóa, Ông Thiệu về phục vụ tại Miền Tây Nam Phần, rồi được sang tu nghiệp quân sự tại Coequidan. Ông cũng đã phục vụ trong các đơn vị tác chiến, của Quân Đội Quốc Gia tân lập, tại Hưng Yên (Bắc Phần), do Trung Tá Dương Quý Phàn chỉ huy. Lúc đó, cùng chung đơn vị có Cao Văn Viên, cả hai mang cấp bậc Trung Úy.

- 1955 là Tư lệnh Sư Đoàn 1 Bộ Binh tại Huế.





- 1958 thăng cấp Trung Tá, là Chỉ Huy Trưởng Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt.

- Được theo tu nghiệp các khóa quân sự cao cấp về tham mưu, chính trị tại các quân trường của Hoa Kỳ như Port Leavenworth, Fort Blifs cũng như Okinawa (Nhật).-1959 tới 1963 : Tư lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, đồn trú tại Biên Hòa.

-1/11/1963 tham dự cuộc binh biến và được thăng Thiếu Tướng, làm Tư Lệnh Quân Đoàn IV.

- Ngày 18/1/1965 thăng Trung Tướng, là Đệ Nhị Phó Thủ Tướng trong Nội Các Trần Văn Hương.

- Ngày 19-6-1965, quân đội VNCH chính thức đổi thành Quân Lực VNCH và ngày đó đã trở thành NGÀY QUÂN LỰC hằng năm cho tới nay, dù Miền Nam đã bị cộng sản Bắc Việt xâm lăng cưỡng chiếm tháng 5-1975. Ngày này, Trung Tướng Thiệu, được Hội Đồng Quân Lực, cử làm Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (Quốc Trưởng).

-Ngày 4/9/1967 đắc cử Tổng Thống Đệ Nhị Cộng Hòa Miền Nam. Thiếu tướng Không Quân Nguyễn Cao Kỳ là Phó Tổng Thống. Trong nhiệm kỳ này, chính phủ VNCH đã thực thi được nhiều cải cách quan trọng về giáo dục, nông nghiệp.

- Tháng 4/1972 tái đắc cử Tổng Thống lần thứ hai, cụ Trần Văn Hương là Phó Tổng Thống.

- Từ đầu năm 1973, qua áp lực cúp viện trợ đồng thời với những bức thư của Tổng Thống Mỹ là Nixon, hứa hẹn sẽ yểm trợ và can thiệp khi VC xâm lăng Miền Nam, nên TT Thiệu đã bắt buộc, ký vào Bản Hiệp Ước Ngưng Bắn tháng 2-1973, dù đã biết rõ ràng đây là văn tự mà người Mỹ ký bán VNCH cho khối cộng sản quốc tế, để đánh đổi quyền lợi của nước mình.

-Ngày 26/3/1973 TT. Thiệu ban hành Luật Người Cây Có Ruộng. Cũng từ đó cho tới lúc tàn cuộc chiến, người Mỹ đã gần như chính thức bỏ rơi miền Nam. TT Thiệu trước cảnh thù trong giặc ngoài, thêm CIA và điệp viên cộng sản nằm vùng ngay trong Dinh Độc Lập phá hoại, nên đã phải từ chức vào lúc 19 giờ 30 đêm 21-4-1975. Phó TT Trần Văn Hương lên thay thế nhưng cũng chỉ được vài ngày, rồi giao việc nước lại cho Đại Tướng Dương Văn Minh, để ông đầu hàng cộng sản vào trưa ngày 30-4-1975. Đêm 26-4-1975, TT Thiệu cùng Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, được Hoa Kỳ giúp đỡ phương tiện, di tản tới Đài Loan. Sau đó Ông tới định cư ở Anh Quốc và cuối cùng cư ngụ tại Boston-Hoa Kỳ.

- Ngày 29/9/2001 Ông ngã bệnh và qua đời, hưởng thọ 78 tuổi.Theo báo chí loan tải cũng như video ghi lại, thì đám táng của cựu Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, có rất nhiều người tham dự, với đủ mọi thành phần . Nhiều người đã đến tận Âu-Úc, Canada và các tiểu bang xa xôi, thuộc các đảng phái chính trị, chính quyền, các quân binh chủng VNCH. Hiện diện trong suốt thời gian tang chế, có 10 cựu tướng lãnh QLVNCH như Ngô Quang Trưởng, Phạm Quốc Thuần, Lê Minh Đảo, Đào Duy Ân (KQ), Phan Hòa Hiệp, Lâm Ngươn Tánh (HQ), Trần Bá Di, Văn Thành Cao và Mạch Văn Trường. Ngoài ra Ông còn được vinh hạnh, khi được đồng đội, đồng bào phủ lá quốc kỳ cờ vàng ba sọc đỏ, của Quốc Dân VN trên quan tài, cũng như đã được Đức Hồng Y, Tổng Giáo Phận Boston, đến thăm viếng và ban phép lành, trước khi xác thân được hỏa táng.



(COURTESY KTLRI)



Qua lời kể của Băng Đình, cựu trưởng phái đoàn báo chí Phủ Tổng Thống, trên tạp chí Thế Giới Ngày Nay số 168 và Thiếu Tá Châu Bích, từng phục vụ nhiều năm tại Dinh Độc Lập, hiện sống tại Hạ Uy Di. Cả hai đều có nhiều cơ hội gần gũi với vị nguyên thủ quốc gia, khi công tác, thì TT Thiệu là người có tính tình rất bình dân mộc mạc, ăn nói huých toẹt theo nếp sống của người miền biển PhanRang-Phan Thiết, không cần màu mè, mà chỉ muốn nói sao cho mọi người mọi giới, thông cảm là đủ rồi. Nhưng ngược lại khi muốn phổ biến văn bản tới quốc dân, cũng như người ngoại quốc, ông lại tỉ mỉ cẩn thận từ nội dung tới hình thức. Ông rất coi trọng thể diện quốc gia và cá nhân, nhất là

không bao giờ sử dụng ngoại ngữ dù ông rất giỏi, chứ không phải như những tin đồn ác ý, nói vì sợ ám sát nên ông rất sợ và lệ thuộc người Mỹ trong mọi phương diện.

Thật sự hoàn toàn trái ngược, căn cứ theo những nguồn tư liệu ghi lại, thái độ của TT Thiệu đối với TT Nixon, trong các cuộc Họp Thượng Đỉnh tại Honolulu và Midway..Nhưng quyết liệt nhất là đối với Kissinger tại Dinh Độc Lập, khi đương sự tới Sài Gòn vào những ngày cuối năm 1972, để bắt buộc VNCH ký vào bản hiệp ước ngưng bắn.

Tóm lại, TT Thiệu là một trong những nhà lãnh đạo VNCH, có lập trường kiên quyết chống cộng sản xâm lăng miền Bắc. Hành động này chẳng những được thể hiện từ lúc còn có thực quyền, mà vẫn tiếp tục trong bước đường lưu vong khắp nẻo đường viễn xứ.

Từ sau khi LX và khối cộng sản quốc tế tan rã gần hết, khiến cho tình hình thế giới rối loạn khắp nơi. Khác với quan niệm xưa trong giới truyền thông tây phương và VNCH, chỉ cần ngồi một chỗ, hay tới các thư viện ngoại quốc, đọc sử liệu, rồi từ đó mao tôn cương ngòi bút, theo sự thương ghét mà khen chê trên báo-sách. Ngày nay những người làm truyền thông phương tây, không cần là nam giới mà ngay cả những nữ phóng viên chiến trường, cũng đã từng trải qua những giây phút hiểm nguy nòng đầu súng, chẳng khác gì người lính trận tại các điểm nóng Kosovo, Grozny, Islamabad, Peshawar, Kabul, Kunduz, Iraq..Những nữ phóng viên chiến trường Christiane Amanpour (CNN), Jacky Rowland (BBC), Maggie O'Kane (Ireland), Marie Colvin (Hoa Kỳ)..đã trở thành thần tượng của các nhà báo, vì phong cách nói thật, khác hẳn với những đồng nghiệp thuở trước.

Như các phóng viên chiến trường ngày nay, Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu ngày xưa, luôn chứng tỏ là một tướng lãnh gan lỳ, biết chia xẻ với đồng đội những hiểm nguy nơi chiến trường. Bởi vậy ông luôn có mặt ngay trong những miền lửa khói, đẫm máu và tàn bạo nhất trong quân sử VN và thế giới, giữa lúc vừa tạm ngưng tiếng súng, bom đạn, pháo kích như hồi Tết Mậu Thân (1968), Mùa hè đỏ lửa 1972 tại Tri.-Thiên, Bình Định, Kon Tum, An Lộc..và nhiều địa danh hiểm ác nhất, khắp bốn vùng chiến thuật, tại miền nam VN, trong cuộc chiến Đông Dương lần thứ 2 (1955-1975). Cảm động nhất đối với tâm tư của những người lính trận, trẻ tuổi xa nhà, là gần như tất cả các dịp xuân về, ông đều tới các tiền đồn nguy hiểm, xa xôi hẻo lánh hay các đơn vị nghĩa quân, để cùng ăn tết với họ, giữa bom đạn thay tiếng pháo mừng xuân. Thử đếm trên đầu ngón tay, suốt cuộc chiến, đã có bao nhiêu vị tướng lãnh miền nam,, dám đem cái sinh mạng kim cương vàng ròng, để giỡn mặt với tử thần như Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ?

Đặc biệt, trong cuốn video ghi lại cuộc họp mặt của tổng thống Thiệu và đồng hương người Việt tị nạn tại Colorado năm 1993, vào dịp ra mắt " Ủy Ban hậu tái thiết cho một VN dân chủ ". Trong dịp này, cựu



TT Thiệu đã tuyên bố trước cử tọa, là mình đã không còn xứng đáng để tiếp tục giữ bất cứ một chức vụ lãnh đạo nào, nếu có trong tương lai. Hơn nữa trong cộng đồng Tị Nạn VN hải ngoại, hiện có rất nhiều người tài đức và xứng đáng hơn ông nhiều, đã và đang dần thâm lèo lái con thuyền quốc gia, trong dòng sông lịch sử. Cuối cùng, ông thành thật gửi lời tạ tội và xin lỗi quốc dân, vì đã thất hứa bỏ nước ra đi trước ngày 30-4-1975, cũng như vì hoàn cảnh bắt buộc, đã phải cản trở ban hành những mệnh lệnh quái ác trong năm 1975, làm cho hàng triệu đồng bào và đồng đội phải chết thảm thiết, oan khiên, đưa đất nước sớm lọt vào vòng nô lệ của đế tam quốc tế.

Chính những điều kể trên, khiến cho những người lính già VNCH, từng chiến đấu ngoài mặt trận lúc đó, nay may mắn được sống sót, sau khi đã ném đủ đấng cay nhục hận, nơi mười hai tầng địa ngục trong cõi thiên đàng xã nghĩa VN..càng thấy gần gũi hơn với vị lãnh đạo của mình, ít ra trong việc ông đã cùng đồng chung chịu khổ với người lính trận tại chốn sa trường. Ngày nay qua núi sử liệu mọi phía được công khai mở rộng và quan trọng nhất là mới đây, những nhân vật từng có liên hệ tới cuộc chiến VN, trong cũng như ngoài nước, bạn hay thù, như TT Nixon, ngoại trưởng Kissinger, Hoàng Đức Nhã, Nguyễn Tiến Hưng, Nguyễn Phú Đức, Lâm Lễ Trinh, Bùi Tín, Võ Văn Kiệt, Lý Quý Chung..giúp ta thẩm định lại, một cách công bằng và can đảm, khi xuống bút ghi lại những lầm lỗi to lớn của ông, vào những giờ phút nguy ngập của đất nước, như bắt nhất ra lệnh bỏ cao nguyên, HuếĐĐà Nẵng, triệt thoái QĐI-II..làm tan vỡ nửa lực lượng quân đội và mất vào tay giặc hơn 3/4 lãnh thổ. Tệ nhất là ông cũng giống như Đại tướng Dương Văn Minh, không dám ở lại cùng lính và dân, khi ' thành mất thì chủ tướng phải chết theo thành', để muôn đời sống trong thanh sử như các vị nam nữ anh hùng dân tộc Trần Bình Trọng, Nguyễn Biểu, Lê Lai, Võ Tánh, Ngô Tùng Chu, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Thị Giang, Nguyễn Khoa Nam, Phạm Văn Phú, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ, Hồ Ngọc Cẩn..như lời hứa hẹn trong buổi lễ bàn giao chức vụ Tổng Thống VNCH cho Phó TT. Trần Văn Hương. Nhưng dù tài liệu có hé mở cách nào chăng nữa, việc bắt từ chức và bỏ nước ra đi của TT Thiệu, cho tới nay còn khuya các sử gia biết hết sự thật, ngoại trừ các chóp bu Mỹ trong Tòa Bạch Ốc, ông Thiệu, Cụ Hương, ông Dương Văn Minh, mới có đủ tư cách và thẩm quyền trả lời. Tiếc thay người Mỹ có bao giờ thành thật để ai tin ? còn tất cả các vị trên nay đã trở thành người thiên cổ, không nói được và cũng không lưu lại cho hậu thế một lời nào. Riêng Thủ tướng Trần Thiện Khiêm, thì vẫn như thuở nào, im lặng mặc cho miệng đời dị nghị. Đại Tướng Tổng Tham Mưu Trường Cao Văn Viên có nói và viết nhiều, nhưng cũng chỉ là cái tôi muôn đời nay ai cũng biết. Tóm lại theo Nguyễn Văn Ngân, nguyên phụ tá chính trị lâu năm tại Phủ Tổng Thống, một cộng sự thân tín, đã bị chính ông Thiệu bắt giam, vì nghi kỵ phản bội, đã phát biểu rằng ' Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trong mười năm tại Dinh Độc Lập, đâu có khác gì ngồi trên bàn chông núi đao, vì luôn luôn phải đối phó với thù trong giặc ngoài và chính cả những người thân tín quanh mình, mà một số không ít, nếu chẳng là điệp viên của đế tam cộng sản Hà Nội nằm vùng, thì cũng làm việc cho CIA Mỹ hay bọn gian thương bất lương Ba Tàu Chợ Lớn. Tất cả đã cùng hiệp đảng với đồng đô la viện trợ, góp phần lớn làm sụp đổ VNCH '. Về trách nhiệm đối với cuộc binh biến ngày 1-11-1963, cũng theo các nguồn sử liệu hiện có, thì lúc đó ông Thiệu, tuy là đại tá tư lệnh SD5BB nhưng đối với hàng tướng lãnh quyền cao chức lớn, tại Bộ TTM cũng như Bộ TL/QĐ3, thì ông cũng chỉ là một thuộc cấp phải thi hành lệnh theo trên, đúng kỷ luật quân đội. Hơn nữa, ông chỉ ra lệnh tấn công Dinh Gia Long, khi biết chắc TT Diệm không còn trong phủ tổng thống. Bởi vậy sau này, ông thường tỏ thái độ ân hận, vì mình có quân trong tay nhưng lại bất lực không cứu nổi tổng thống trong lúc nguy khốn. Cuối cùng người đã phải chết thảm trong lòng chiếc thiết vận xa M113 mang số 80989, bởi sát thủ của Dương Văn Minh là Nguyễn Văn Nhung. Do lòng kính trọng trên, nên suốt thời gian làm tổng thống VNCH, ông Thiệu và gia đình luôn luôn tham dự các thánh lễ tưởng niệm cố tổng thống Ngô Đình Diệm.

**2 - BA NĂM XÁO TRỘN (1964-1967):**Nền đệ nhất cộng hòa miền nam (1955-10/1963), tuy đã phạm nhiều lầm lỗi nhưng vẫn là một thể chế hợp hiến và trên hết có tự do dân chủ, đã mang lại phần nào ấm no hạnh phúc cho đồng bào miền nam, trong lúc đất nước đang bị tai họa chiến tranh. Bởi vậy nếu đem so sánh, thì miền nam lúc đó còn hơn nhiều quốc gia đương thời. Trong chín năm dài (1955-1963), VNCH đã ngăn chặn hữu hiệu cuộc xâm lăng trắng trợn của cộng sản đế tam quốc tế, đem lại

an ninh hầu như khắp lãnh thổ Nam VN, từ Bến Hải vào tới Cà Mau, chấm dứt sự hỗn loạn, do hậu quả và tàn tích của 100 năm bị thực dân Pháp đô hộ. Rồi cuộc binh biến dành ngai vàng ngày 1-11-1963, gần như làm đổ vỡ tất cả những gì mà đồng bào đã có. Thật sự không có gì cả như lời hứa hẹn của các lãnh tụ và giả sử nếu có, cũng chẳng qua là cái men say chiến thắng, cùng sự tự phong gắn lon lá cho nhau của những người trong cuộc. Cái trớ trêu của nhân tình, khiến Lý Chánh Trung phải hạ bút một cách cay độc, khi nói tới hai chữ cách mạng, đã khiến cho mọi người phải ngoa ngán tủi lòng, khi nghĩ về những cuộc cách mạng trong cận sử, qua các năm 1945, 1963 và cuối cùng là cuối tháng 4-1975. Tất cả đều cùng mang chung cái bản chất dối trá, mị dân bằng lớp son hào nhoáng bên ngoài, chỉ nhằm ru ngủ và thỏa mãn một vài đòi hỏi nhất thời của đám đông. Tóm lại cuộc binh biến ngày 1-11-1963 đã mở đầu cho ba năm xáo trộn chính trị tại VNCH. Tất cả cũng chỉ vì tranh giành địa vị, lợi lộc và chiếc ngai vàng ba chân đang bỏ trống, nên phải chỉnh lý, đảo chính, xuống đường..cho tới khi hai tướng Thiệu và Kỳ lên nắm quyền, dù nội bộ có tạm yên nhưng cũng là lúc lửa sân si bốc cháy rực trời, suy tụt nửa để Nam VN lọt vào tay cộng sản quốc tế Hà Nội vào thời điểm đó. Hỡi ơi chỉ có ba năm sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm nằm xuống trong lòng chiếc thiết vận xa của ta, do những viên đạn cũng của phe ta, thì Miền Nam đã có tới sáu chính phủ liên tiếp cầm quyền, trị nước. Đó là Nguyễn Ngọc Thơ, Nguyễn Khánh, Trần Văn Hương, Nguyễn Xuân Oánh, Phan Huy Quát và Nguyễn Cao Kỳ. Rồi thì biến tình và thiên tai tại miền Trung. Tiếp theo là cuộc nổi loạn của bốn trại Lực Lượng Đặc Biệt Thượng tại Darlac. Nhưng trên hết vẫn là cái vô tình, vô luân, vô nghĩa của bọn giàu sang no cơm ấm cật, rừng mỡ nên cứ đứng núi này trông núi nọ, luôn luôn bốc lửa bỏ vào kho xăng hỗn loạn, đang ngùn ngụt cháy, làm cho VNCH gần như vô chính phủ, làm cho nền pháp trị có sẵn từ trước, đã bị đám loạn tướng, kiêu tăng và bọn thầy tu ích kỷ, toa rập phá vỡ toàn bộ. Chính cái bi thảm này, mới là nguyên nhân then chốt đưa tới sự sụp đổ của đất nước vào tay cộng sản.

Theo sử liệu, trong ba năm xáo trộn chính trị, thì thời kỳ Nguyễn Khánh tham chính, từ cuối tháng 1-1964, gây chỉnh lý để hạ bệ các tướng Big Minh, Đôn, Kim, Đính, Xuân..cho tới khi bốc nắm đất Sài Gòn, bỏ quê hương tới Mỹ sống kưư vong, là chuỗi ngày hỗn mang nhất trong 20 năm tồn tại của VNCH.

Ngày 4-9-1967, liên danh quân đội của hai tướng Thiệu-Kỳ đắc cử tổng thống, mở đường cho sự ổn định của nền đệ nhị cộng hòa Miền Nam (1967-1975). Ngày nay dù ai có gọi bằng một danh xưng nào chẳng nữa, thì thực tế đây là thời kỳ an ninh trật tự xã hội đã được văn hồi khắp nước, tạm thời chấm dứt những xáo trộn trầm kha trên sân khấu chính trị. Nhờ vậy nên đã giúp cho QLVNCH an tâm và đoàn kết trở lại như xưa, tạo nên sức mạnh, ngăn chống được giặc Bắc xâm lăng. Cuộc chiến còn đang tiếp diễn, thì náo nùng thay Dương Văn Minh lên thay ngựa, đã dùng quyền lực, bắt người lính buông súng rã ngũ, để đầu hàng cộng sản quốc tế vào trưa ngày 30-4-1975. Tóm lại trên đường tiến vào Dinh Độc Lập năm 1967, tổng thống Thiệu đã phải còng trên lưng, cái gia tài Mẹ VN hấp hối và rỉ máu, do Dương Văn Minh và Nguyễn Khánh phá sản, trong cảnh tan hoang của buổi chợ chiều thời Ngô triều. Nói về thời kỳ nhiễu nhương trên, Nguyễn Hữu Thọ, chủ tịch bù nhìn của cái mặt trận ma, tay sai Hà Nội, sau khi xâm lăng cưỡng cướp được Miền Nam, đã phán “ Chính nhờ những cơ hội trên trời rớt xuống như thế này, nên CSBV mới chuyển bại thành thắng và cướp được VNCH “. Bởi vậy khi nhắc tới thời kỳ ổn định của Miền Nam, từ 1967-1975, ai cũng bảo đó là phép lạ.

### **3 - TỔNG THỐNG THIỆU VÀ CUỘC CHIẾN CHỐNG CSBV TỪ 1967-4/1975:**

Mỗi lần nghĩ tới cảnh nhà tan người chết, nỗi đói nghèo của đồng bào và niềm đau xót tủi nhục trước cảnh cộng sản VN công khai bán đất dâng biển, làm đầy tớ cho ngoại bang như hôm nay, khiến cả nước đều khinh ghét bọn việt gian, đội lớp trí thức và tôn giáo thời VNCH. Đây mới chính là những vết dao trí mạng đâm bồi thêm sau lưng người chiến sĩ Quốc Gia, giữa lúc họ đang hứng chịu bom đạn nơi sa trường. Trong hoàn cảnh hỗn mang đó, ông Nguyễn Văn Thiệu xuất hiện đúng lúc trên sân khấu chính trị Miền Nam, qua tầm vóc dù nay có bị thiên hạ ganh tị, bới móc chửi rủa chê bai. Nhưng lúc đó, thật sự ông vẫn hơn nhiều người đương thời và quan trọng hơn hết, là lập trường chống cộng

sản rất kiên quyết, không bao giờ khoan nhượng. Những yếu tố trên rất phù hợp quan điểm và chính sách của Hoa Kỳ lúc đó, là muốn chiến thắng cộng sản để tam quốc tế, đang xâm lăng thôn tính VN. Do trên, ông đã được sự ủng hộ thành thật ban đầu của Mỹ. Nhờ vậy Tổng thống Thiệu mới ổn định được thời cuộc và giữ vững được Miền Nam, cho tới cuối tháng 4-1975.

Mới đây cựu ngoại trưởng Mỹ là Kissinger, một nhân vật bị mang tiếng là đã toa rập với cố Tổng thống Hoa Kỳ Nixon, dùng Hiệp định ngưng bắn Paris năm 1975, để bán đứng Đồng Minh của mình là nước VNCH, cho cộng sản để tam quốc tế. Ông đã viết trong tác phẩm “ Diplomacy “, rằng Hoa Kỳ vì muốn cứu mình, nên bắt buộc đã phải phản bội Miền Nam. Cũng vì vậy tới nay, nước Mỹ đã phải trả một giá thật đắt với nhân loại, qua cái gọi là ‘ Hội Chứng Chiến Tranh VN ‘, về tội bất nhân, bất nghĩa, bất tín và hành động kẻ cướp của bọn con buôn chính trị hoạt đầu. Tóm lại cũng nhờ kinh nghiệm Mỹ phản bội VNCH, Đài Loan nên nhiều nước đồng minh của Hoa Kỳ, đã phải xét lại tình bạn cũng như sự hợp tác với kẻ bội tín, đưa tới hậu quả ngày nay là chẳng một ai muốn hợp tác thật sự với một quốc gia không có tình nghĩa, mà chỉ biết tính toán trong cuộc chơi, sao cho cả hai cùng được lợi. Trung Cộng, Đài Loan, Iraq, Iran, Bắc Hàn..là những bằng chứng đồng thời cũng là một bài học dạy khôn người Mỹ, đừng tưởng ai cũng hiền và cứ thất hứa lật lọng như VNCH ngày trước. Đối với những nước này, kể cả VC ngày nay, trong canh bài bịp, người Mỹ chừng nào mới lên mặt ngồi chung một chiếu với chúng, nói chi tới chuyện gạt người ?

Cũng trong tác phẩm trên, Kissinger có đề cập tới sự sai lầm trầm trọng của Hoa Kỳ, khi tìm đủ mọi cách vào tham chiến tại Nam VN nhưng chỉ chiếu đấu bằng lý thuyết tại bàn giấy mà hầu như chẳng bao giờ thèm để ý tới thực tế chiến trường, nên bắt quân đội phải đánh giặc theo chủ đích có sẵn trong đơn đặt hàng của bọn siêu quyền lực lái súng, phần lớn là bọn Mỹ trắng gốc Do Thái, thời nào cũng nắm vận mệnh của Hiệp Chúng Quốc bằng thế lực kim tiền. Tóm lại đây là chiến thuật đầu voi đuôi chuột, chỉ nhằm phơi bày lớp hào nhoáng bên ngoài và trên hết là thái độ độc tôn của kẻ có tiền, có học, luôn muốn người khác, cứ phải nhắm mắt làm theo ý mình, nếu cãi hay phản đối lại, sẽ bị trừ dập, ám sát hay dùng sử để bội bác hãm hại. Tất cả sự thật, mới đây đã được Nguyễn Tiến Hưng bật mí đủ trong tác phẩm ‘ Khi Đồng Minh tháo chạy ‘, xác nhận hiện tượng ‘ Đưa quân vào, rút lính ra, dựng lãnh đạo, giết tổng thống ‘ của người Mỹ đã và đang làm, không riêng gì tại VN mà hầu như khắp mọi nơi trên thế giới.

Đây cũng là căn bệnh trầm kha của xã hội Mỹ, quen sống chủ quan trong cảnh thừa mứa tự do và vật chất, đến lúc sự lạc quan sụp đổ, thì chán nản tuyệt vọng, vội buông xuôi tất cả để tháo chạy. Tệ nhất là muốn rửa mặt với mọi người, Hoa Kỳ lại dựng thêm lý do ‘ MIỀN NAM KHÔNG ĐÁNG ĐƯỢC CỨU VỐT ‘. Nhưng dù biện bạch thế nào chẳng nữa, thì người ta cũng không thể không nhắc tới vấn đề nhân đạo, trong một cuộc chiến lâu dài, tiêu bao..với một kẻ thù cuồng sát như cộng sản Bắc Việt, coi mạng dân rẽ hơn lá rụng, con sâu cái kiến. Bởi vậy từ Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng tới các chóp bu lãnh đạo Bắc Bộ Phủ ngày nay, đều giống nhau, chỉ biết lấy máu xương con người vô tội, làm phương tiện, để đạt cứu cánh sau cùng, bất chấp thủ đoạn, nhân tính..nên nói chi tới lòng ái quốc và sự thương dân. Bao nhiêu tội ác thiên cổ của đảng cộng sản suốt bảy mươi lăm năm qua, chỉ riêng hành động bắt trẻ vị thành niên cầm súng, dùng chế độ hộ khẩu công an khu vực, để kèm kẹp khủng bố người Việt miền Bắc, trong suốt thời gian chiến tranh. Vì coi mạng người Việt nhỏ hơn cây kim sợi tóc, nên lúc nào VC cũng áp dụng binh pháp của Nga-Tàu dựa theo Clausewitz, lấy thịt đè người, xiềng bộ đội trong tầng pháo hay cho lính uống thuốc kích thích trước khi xung trận. Chiếu đấu với một kẻ thù lì lợm, bất nhân, mất nhân tính như VC, làm sao Hoa Kỳ và VNCH không bại trận? Cho nên dù có tranh luận thế nào chẳng nữa hay đổ tội cho ai, cuối cùng cũng phải đi tới kết luận, như cố bộ trưởng tư pháp Mỹ Robert. Kennedy từng nói ‘LỖI LÀM TẠI VN NHIỀU TỚI NỔI, BẮT CỬ AI CÓ LIÊN HỆ, CŨNG PHẢI ÍT NHIỀU PHẠM PHẢI ‘.Nói về chiến tranh VN hay đúng hơn là cuộc chiến Đông Dương lần thứ 2 (1955-1975), các nhà sử học trong cũng như ngoài nước, hay lấy trận Ấp Bắc (Định Tường) đầu năm 1963, cuộc triệt thoái của Quân Đoàn II tại Cao Nguyên Trung Phần và QĐ I ở HuếĐDà Nẵng, vào những ngày đầu tháng 4-1975, làm những sự kiện lịch sử quan trọng nhất, để phê bình các cấp lãnh đạo đầu nảo của VNCH tại Dinh Độc Lập cũng như ở các Quân Khu. Chính



những trung tâm quyền lực này, đã lợi dụng chức vụ và kỷ luật quân đội, để ngăn cản, làm rối loạn cùng sự tiêu hao việc thống nhất chỉ huy tại chiến trường. Ngoài ra không có kế hoạch thích ứng, để giải quyết những khó khăn nguy ngập. Tệ hơn hết là sự chia rẽ, bất hợp tác trong nội bộ, khiến không mấy ai thực lòng nghĩ tới đại sự của quốc gia dân tộc. Cũng may, QLVNCH còn có rất nhiều sĩ quan các cấp tài giỏi, đạo đức, có tình yêu nước nồng nàn và những chiến sĩ can trường trong mọi quân binh chủng, kể cả những người lính Địa Phương Quân, Nghĩa Quân, Xây Dựng Nông Thôn, Cảnh Sát Dã Chiến..Chính nhờ họ, mà VNCH mới tồn tại được trong hai mươi năm khói lửa, nhờ họ nên nhiều người có cơ hội thăng tiến thành cấp tướng, tá, khoa bảng, trí thức, văn nhân nghệ sĩ..nay đang khoe mặt với đời ô trọc, biển dâu, tôn ti đảo lộn, nhiều lúc đối diện, không biết đâu mà mò, không nhận rõ được ai là thẳng, là ông vì ai cũng tài giỏi và có chức phận hết. Sau rốt cũng nhờ họ, nên tránh được nhiều tổn thất về nhân mạng cho thường dân cũng như binh lính miền Nam. Đây chính là nhận xét của nhà quân sự nổi tiếng, S.R Thompson, rất nhiều lần không tiếc lời ca tụng, sự thiện chiến và lòng can đảm của người lính bất hạnh VNCH.

Từ tháng 2-1965, vì tình hình hỗn loạn, nên Tổng thống Mỹ là L.Johnson đã ra lệnh oanh tạc Bắc Việt, đồng thời gửi quân bộ chiến vào giúp Nam VN. Nhiều đồng minh của Mỹ lúc đó như Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Thái Lan, Đài Loan, Đại Hàn, cũng tham dự cuộc chiến. Chính vì lý do này, mà trong suốt cuộc chiến và tới ngày nay, VC cũng như đám lực bình ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản, đã không ngớt rêu rao tuyên truyền rằng VNCH rước voi dầy mã tổ, bán nước, giết dân Viê.t. Nhưng rồi tất cả đã hiện nguyên hình sau ngày 1-5-1975, đã trở thành những chuyện khôi hài cười ra nước mắt, qua các vụ bán Hoàng Sa, Trường Sa, đất đai biên giới, biển, lãnh hải cho Trung Cộng, cùng hàng ngàn câu chuyện bi thảm trào phúng của xã nghĩa, đủ xác nhận ai là kẻ bán nước hiện nay.

Riêng câu chuyện rước voi vào dầy mã tổ Hồng Lạc, cũng là câu chuyện lâm ly nức nở, hiện cũng được mọi phía đào xới phơi bày ra ánh sáng. Theo tài liệu của C. Jian trong ‘ China and VN War 1945-1975 ‘ và gần đây là ‘ Đem giữa ban ngày ‘ của Vũ Thư Hiên, vào ngày 16-5-1965, chính Hồ Chí Minh lúc đó là chủ tịch nước VN Dân Chủ Cộng Hòa (Cộng sản Bắc Việt), đã yêu cầu các nước trong khối cộng sản đệ tam quốc tế như Liên Xô, Trung Cộng, Đông Đức, Đông Âu, Bắc Hàn, Cu Ba..gửi quân vào tiếp viện miền Bắc. Hưởng ứng lời kêu gọi trên, sốt sắng nhất là Mao Trạch Đông, đã đưa ngay Hồng Quân vào giúp Hồ cứu nước. Tính tới cuối năm 1968, Trung Cộng quân viện cho Hà Nội bảy Sư Đoàn Công Binh và 16 SD Pháo đủ loại, kể cả súng cao xạ phòng không. Quân Tàu đổ đóng khắp nơi, từ biên giới Hoa-Lào-Việt vào tới tận vĩ tuyến 20 ở Thanh Hóa. Tháng 3-1969, do sự bất hòa giữa hai nước về vấn đề Lào-Kampuchia, nên Mao đã rút hết Hồng quân về nước. Ngoài ra trên đất Bắc còn có nhiều cố vấn Liên Xô, Đông Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan. Riêng Bắc Hàn và Cu Ba, trong suốt cuộc chiến, đã quân viện cho VC nhiều đơn vị tác chiến. Ngày nay tại Hà Nội vẫn còn nhiều mồ mã của các tử sĩ ngoại quốc, đã chết vì chiến tranh VN. Có điều vì Hồ và đảng che đậy quá kỹ, cho nên mặt thật của việc đánh Mỹ cứu nước, gần mấy chục năm sau mới được phơi bày.Ngày 4/9/1967 tướng Nguyễn Văn Thiệu đắc cử tổng thống, nhờ đó những xáo trộn chính trị mới dần hồi chấm dứt. Đây cũng là thời gian thành công của Chiến dịch Phục hưng Hoàng , nhằm loại trừ các thành phần CSVN đang nằm vùng khắp nơi. dịp này, chính quyền đã thành lập các cơ cấu hạ tầng, cũng như hệ thống thẩm định dân tình tại các xã ấp xô dậu, vẫn hồi được an ninh trên hầu hết lãnh thổ của VNCH. Sự thành công trên, đã được tướng Westmoreland, tổng tư lệnh quân lực Mỹ và Đồng Minh tại VN, nhận xét ‘ Năm 1967, QLVNCH đã tiến triển vượt bực.c. Nhờ vậy đã bảo vệ được lãnh thổ trong hoàn cảnh đất nước đang khó khăn, sau mấy năm biến loạn chính trị với thù trong giặc ngoài. Điều này ít có quân đội nào trên thế giới, có thể thực hiện tốt đẹp được như vậy ‘. Cũng nên nhớ rằng, trước khi xảy ra biến cố Tết Mậu Thân (1968), ngoại trừ binh chủng Dù, TQLC, LLDB của QLVNCH, được Mỹ trang bị một số vũ khí mới Còn tất cả, kể luôn BDQ vẫn phải xử dụng, số lớn quân cụ vũ khí của Pháp để la.i. Còn viện trợ Mỹ hầu hết được sản xuất từ hai kỳ thế chiến. Trong khi đó, CSBV được toàn khối cộng sản đệ tam quốc tế, viện trợ tối đa, từ tiền bạc, tinh thần tới quân trang dụng và nhiều nhất đều của Liên Xô, Trung Cộng, Đông Đức..Nhiều loại vũ khí hiện đại đã được bộ đội Bắc Việt, xử dụng trên khắp chiến trường Nam VN như các loại Tiểu Liên AK-47 (LX), AK-56 (TC), AK-MPiKM (Đông Đức), AKM-63 (Hung), AKVZ-58 (Tiệp) + Súng Chống Chiến Xa RPG-2B (B40 của LX), B-56 (Tiệp), B-27 (Trung Cộng), RPG-7(B41 của LX), B-

69 (TC), các loại Chiến Xa T-54, Thủy Xa PT-76 và Đại Bác tầm xa 122 -130 ly (LX). Vì những thất bại quân sự liên tiếp, nên Bắc Việt đã phải thay đổi chiến thuật, chiến lược. Về chính trị, Hà Nội xử dụng bạo lực vùng trong hàng ngũ khoa bảng trí thức, giáo vận Miền Nam, để đánh phá không ngừng nghị chính quyền, qua chiêu bài đòi hỏi tự do, dân chủ..trên báo chí, sách vở, biểu tình, xuống đường. Về quân sự, thay đổi từ du kích sang địa chiến, dùng người làm phương tiện mở các cuộc tổng công kích, chỉ với mục đích gây tiếng vang khắp thế giới, để biện minh về sự xâm lăng Miền Nam. Tại Hoa Kỳ và Âu Châu, thế lực cộng sản đệ tam quốc tế, dùng tiền bạc và tuyên truyền, trà trộn vào các phong trào phản chiến thân Cộng, mục đích hạ uy tín của VNCH trên diễn đàn quốc tế, nhất là tại nước Mỹ, đang có nhiều thanh niên tham gia quân đội chiến đấu tại VN, bằng thủ thuật đánh lạc hướng dư luận thế giới về ý nghĩa của cuộc chiến chống xâm lăng cộng sản của người Việt Quốc Gia. Nhờ vậy VC đã chiến thắng cuối cùng, không phải tại mặt trận, mà ở New York, Hoa Thịnh Đốn, Paris, Luân Đôn.

Ngày 30-1-1968 nhằm mùng một Tết Nguyên Đán Mậu Thân, giữa lúc đồng bào đang nô nức đón xuân, trong thời gian hưu chiến. Nhưng VC đã bội ước, lợi dụng QLVNCH không đề phòng, bắt thành xua 283.000 cán binh bộ đội miền Bắc, gây nên cuộc chiến long trời lở đất tại thủ đô Sài Gòn, 5 thành phố, 36 thị xã, 64 quận lỵ và 50 xã ấp. Cuộc tàn sát đẫm máu của cộng quân, đã làm cho hơn 40.000 thường dân vô tội bị thảm sát. Hàng trăm ngàn nhà cửa, trường học, cơ sở tôn giáo, bệnh viện và nhiều di tích lịch sử lâu đời của dân tộc, bị bom đạn tàn phá tiêu hủy tận tụy. Nhưng man rợ và thâm hiểm nhất lại thành phố Huế, CSBV và bọn VC địa phương như Hoàng Phủ Ngọc Tường-Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Hoàng Lanh, Hoàng Kim Loan..trước khi tháo chạy vào ngày 26-2-1968, đã sát hại hơn 4000 đồng bào vô tội. Trong số nạn nhân chết thảm, có nhiều vị giáo sư Tây Đức đang giảng dạy tại viện Đại Học Y Khoa Huế lúc đó như vợ chồng bác sỹ Hort Gunther Krainich, bác sỹ Raimund Discher và bác sỹ Alois Alterkoster..Thi thể các nạn nhân được vùi tại nhiều nấm mồ tập thể trong nội thành và ngoại ô Huế. Xác các nạn nhân sau đó được cải táng tại Nghĩa Trang Ba Tầng ở Hương Trà (Thừa Thiên). Sau ngày 30-4-1975, VC lại cho xe ủi đất san bằng toàn bộ nghĩa trang trên, để phi tang tội ác thiên cổ nhưng cho dù xác thân của nạn nhân đã biến thành tro bụi, vẫn còn bia miệng và sử liệu nhắc nhở ngàn đời. Tóm lại trong trận chiến Tết Mậu Thân 1968, cộng sản Bắc Việt đã thất bại hoàn toàn về quân sự nhưng lại được hệ thống báo chí truyền thông Mỹ, đổi trắng thay đen, bẻ cong ngòi bút, khiến cho Quân Lực Hoa Kỳ, Đồng Minh và VNCH trở thành bại trận. Hậu quả làm cho người Mỹ bị quan cuộc chiến, gây nên cảnh chia rẽ khắp Hiệp Chúng Quốc, cộng thêm phong trào phản chiến đòi Mỹ rút quân, làm cho Tổng thống L.Johnson không ra tái cử.

Tháng 11-1968, R.M Nixon đảng Cộng Hòa, đắc cử tổng thống và trước thành quả ổn định của VNCH, năm 1969 Hoa Kỳ tuyên bố rút quân và bắt đầu thi hành kế hoạch VN hóa chiến tranh, bằng chương trình hiện đại hóa QLVNCH. Từ năm 1970-1971, Nam VN đã mở nhiều cuộc hành quân ngoại biên Toàn Thắng tại Kampuchia và Lam Sơn 719 ở Hạ Lào, đã phá hủy nhiều mật khu và căn cứ của bộ đội Bắc Việt, trên đường mòn Hồ Chí Minh. Nhờ chiến thắng đạt được tại chiến trường, năm 1972 Nixon tái tranh cử tổng thống nhiệm kỳ 2, giữa lúc Hoa Kỳ và Liên Xô đang thương-thảo về hiệp ước giới hạn vũ khí chiến lược (Salt), cùng tài giảm binh bị. Lúc đó, cộng sản Bắc Việt đang bị áp lực từ Liên Xô và cũng đang muốn gây lại tiếng vang sau những thất bại quân sự liên tiếp, nên đã liều lĩnh điên cuồng mở các cuộc tổng tấn công vào mùa hè đỏ lửa tại Quảng Trị, Kon Tum, Bình Định và An Lộc. Kết quả đã có hơn 100.000 cán binh bỏ mạng tại các chiến trường. Hoa Kỳ cũng phản ứng mạnh bằng cuộc dội bom vô tiền khoáng hậu miền Bắc, đồng thời dùng thủy lôi phong tỏa hải cảng Hải Phòng, khiến CSBV chịu nghiêm chỉnh hơn, dù chỉ đóng kịch trong bàn hội nghị.

Rồi hiệp ước ngưng bắn được Mỹ và Bắc Việt ký kết vào ngày 27-1-1973 tại Ba Lê, mở đường cho sự sụp đổ của VNCH vào ngày 30-4-1975. Viết về sự bi thảm trên, S.R.Thompson nhận xét rằng ‘ Khi ký hiệp định Ba Lê năm 1973, Nixon và Kissinger đã bỏ lỡ cuộc chiến thắng gần kề của QLVNCH, bằng tự ý ngưng oanh tạc miền bắc, cũng như ngăn cản Miền Nam tái chiếm lại các vùng đất đã bị VC cưỡng chiếm trong mùa hè đỏ lửa 1972’. Đây mới là yếu tố then chốt, để VC khinh thường Mỹ, nên đã đùa cợt, chơi chữ và ngay cả con cáo già Kissinger cũng bị Lê Đức Thọ lừa vào bẫy rập như người lớn dùng kẹo ngọt dụ trẻ nít thơ ngây, không hề biết suy nghĩ. Còn tổng thống Nixon thì thú nhận rằng ‘ Vì

áp lực của quốc hội Mỹ lúc đó, đa số là đảng dân cư phản chiến, nên ông phải dùng viện trợ chống cộng, bắt ép tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, ký vào bản hiệp ước một cách bất công vô nhân đạo'. Nhưng ý nghĩa hơn hết, vẫn là lời kết luận của Đô Đốc U.S.G Sharp, nguyên Tư lệnh Lực Lượng Mỹ tại Thái Bình Dương ' Hiệp định Ba Lê mà Hoa Kỳ đã ký kết với CSBV, không phải là một công thức hòa bình, vì kẻ xâm lược là VC, vẫn ở lại Miền Nam VN để tiếp tục gây chiến tranh một cách công khai, mà không còn sợ Mỹ can thiệp như quá khứ'. Nhưng tệ hại nhất là Điều 4 của Bản Hiệp Ước, thì VNCH phải bị xóa bỏ, để Miền Nam lập lên một chế độ chính trị mới, có ba thành phần Quốc Gia, Cộng Sản và Lực Lượng thứ Ba Hòa Hợp Hòa Giải Dân tộc.

Theo hầu hết các sử gia trong và ngoài nước, thì điều 4 trên, mới chính là giọt nước mắt nhục tiểu VN, vì bản hiệp định chưa ký kết chính thức, thì bản dự thảo đã được cán binh bộ đội Bắc Việt, học tập chiến dịch giành dân, lấn đất. Tàn nhẫn hơn hết, là QLVNCH đang trong tư thế của người chiến thắng, thì lại bó tay nhận chịu thân phận kẻ bại trận, theo những áp đặt có lợi, để Mỹ chuẩn bị tháo chạy trong danh dự.

Rồi sau đó, biết chắc Mỹ sẽ không bao giờ còn can thiệp vào cuộc chiến VN, nên Bắc Việt công khai đổ quân vào Nam bằng đường mòn HCM. Hòa bình đâu chẳng thấy mà cuộc xâm lăng của Bắc Việt càng lúc càng ác liệt tại Cửa Việt, Sa Huỳnh, Hồng Ngự, Trung Nghĩa, Tống Lê Chân..Và cũng để sớm dứt điểm VNCH, quốc hội Mỹ lúc đó do đảng dân chủ cầm lái, với đa số thuộc thành phần thân cộng phản chiến, đã liên tiếp ban hành hai đạo luật, ngăn cấm chính phủ không được sử dụng ngân khoản để hoạt động quân sự tại Đông Dương ( tháng 8-1973) và đạo luật War Powers Act ( tháng 10-1973), bắt buộc tổng thống Mỹ muốn tham chiến phải có sự phê chuẩn của quốc hội. Nhờ hai đạo luật trên, nên cũng từ đó cộng sản Miền Bắc công khai xâm lăng Miền Nam, xé bỏ hiệp định Ba Lê vừa được ký kết. Vậy mà Kissinger và Lê Đức Thọ lại được Ủy ban giải Nobel hòa bình tại Na Uy tuyên xưng một cách trào phúng.

Trong lúc VNCH khốn đốn trước sự xâm lăng của giặc Bắc, thì Trung Cộng qua đồng thuận của VC và Hoa Kỳ, tấn công cưỡng chiếm hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa của dân tộc VN từ lâu đời.

Theo Tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng/QLVNCH, thì Tổng thống Thiệu đã vô cùng nan giải trong giai đoạn này, vì nếu kiên quyết thì hành theo chủ trương ' Bốn Không ' thì Mỹ sẽ cúp ngay viện trợ, khiến cho Nam VN sẽ không còn phương tiện, để tiếp tục công cuộc chiến đấu chống xâm lăng và bảo vệ diện đi.a. Còn rút bỏ căn cứ, đã coi như tự cắt đất dâng cho giặc.c. Đây cũng chính là nguyên nhân, gần như bắt buộc Tổng thống Thiệu, quyết định bỏ Cao nguyên và Quân khu 1, để rút về bảo vệ các tỉnh duyên hải còn lại, trong những ngày đầu tháng 4-1975.

Tháng 5-1974, Thượng viện Mỹ lại biểu quyết không tăng ngân sách quân viện cho VNCH, khiến cho hầu hết các đơn vị của Miền Nam, không đủ hỏa lực để chiến đấu. Trong lúc quân nhu, quân cụ, xe cộ, chiến xa, phi cơ, đại bác ..đều thiếu các cơ phận thay thế. Nhưng dù gặp phải trăm điều khó khăn chông chát, kể cả sự đói rách thê thảm của binh sĩ, do ảnh hưởng của xã hội. Tuy vậy QLVNCH vẫn can trường chiến đấu cho tới giờ thứ 25, bị Dương Văn Minh dùng quyền Tổng Tư Lệnh quân đội, bắt buộc buông súng rã ngũ.

Ngày 9-8-1974, Tổng thống Nixon từ chức vì vụ Watergate. Đây chính là thời cơ vàng ròng, để Bắc Việt quyết tâm xâm lăng VNCH, mà mở đầu là trận Thường Đức (Quảng Nam), kế tiếp là Phước Long vào ngày 6-1-1975.

Trong khi đó, tại Hoa kỳ từ Tổng thống Ford tới quốc hội và Bộ quốc phòng, nơi nào cũng dửng dưng không nghe không thấy. Tàn nhẫn hơn, Mỹ lại cắt xén gần hết ngân khoản viện trợ, từ 1 tỷ 126 triệu đô xuống 700 triệu.u. Trước sự kiện bi thảm nào nung trên, S.R.Thompson đã viết ' Trong suốt cuộc chiến, Miền Nam đã đóng góp phần mình bằng phong độ phi thường. một điều mà ai cũng nghĩ là họ khó có thể làm được'.

Tháng 3-1975, Ban Mê Thuột thất thủ. Để có đủ lực lượng bảo vệ phần đất còn lại trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn, nên Tổng thống Thiệu đã ra lệnh rút bỏ Cao nguyên và QĐ1. Hai cuộc lui quân đều



thất bại, kéo theo sự tan rã gần nửa lực lượng quân đội và ba phần tư lãnh thổ đất nước. Ngày 19-4-1975 Phan Thiết thất thủ. Tại Xuân Lộc (Long Khánh), từ 8-4-1975 tới ngày 15-4-1975, Sư đoàn 18BB cùng các Đơn vị tăng phái gồm Lữ Đoàn 1 Nhảy dù, TD82BDQ, Tiểu Khu Long Khánh..đã dạy cho quân xâm lăng Bắc Việt, bài học để đời với hơn 20.000 cán binh bỏ mạng tại chỗ, trả thù cho đồng bào vô tội, đã bị cọng sản tập kích trên đường lánh na.n. Ngày 21-4-1975, Tổng thống Thiệu từ chức, Phó Tổng thống Trần Văn Hương thay thế, cuối cùng giao quyền cho Dương Văn Minh vào ngày 28-4-1975, để đầu hàng giặc vào trưa ngày 30-4-1975.Viết về cuộc chiến VN, thủ tướng sau cùng của VNCH là Nguyễn Bá Cẩn, đã có nhận xét rất xác thực, khi diễn tả thái độ hờ hững của đồng bào Miền Nam qua chiến cuộc.c. Đây không phải là vì VNCH chỉ kiểm soát được 30 % dân số và phần còn lại chỉ là đám lục bình trôi nổi, như nhận xét của một sử gia nào đó. Thật sự Miền Nam hoàn toàn khác biệt với chế độ độc tài khủng bố của Miền Bắc Ngoài ra tại Miền Nam, từ Quốc trưởng Bảo Đại, tới các tổng thống Ngô Đình Diệm, Nguyễn văn Thiệu, Trần Văn Hương, quá tự do và nhân đạ.o. Còn đồng bào phần lớn chưa hiểu rõ mặt thật của cọng sản, nên đã bị giặc tuyên truyền đầu độc, chạy theo VC. Đã vậy dân chúng thường thờ ơ lãnh đạm với thời cuộc, hầu như giao phó hết mọi sự cho chính quyền, quân đội, ai chết mặc bây. Dân đã vậy, đất nước thêm bất hạnh vì đã không có một vị lãnh đạo, đủ khả năng đạo đức, để đối phó với hoàn cảnh, nhìn rõ chính sách toàn cầu của Hoa Kỳ, để phối trí kịp thời lực lượng bảo vệ lãnh thổ, trong lúc khẩn cấp.

Thêm vào đó còn có các chính khách sa lông, nhiều nhà báo thân cộng nằm vùng, luôn thừa nước đục thả câu, tìm cách phá rối xách động mọi người chống lại chính quyền, giúp giặc cường chiếm đất nước. Tới khi cọng sản chiếm được Sài Gòn, sau ngày 1-5-1975, thành phần trí thức xô thịt này, cũng đã bị VC đào thải không thương tiếc.

Lịch sử VN suốt mấy ngàn năm, trang nào cũng đẫm đầy máu lệ, chứ không phải chỉ riêng giai đoạn đau thương mất nước, dưới thời các vị Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Trần Văn Hương. Ba mươi năm qua (1975-2005), người dân cả nước sống trong hàng rào kẽm gai, lưỡi lê và họng súng, của kiếp nô lệ mới, chắc đã thấm thía ngậm ngùi, khi đối mặt với những chớp bu già nua siêu phong kiến, tại Bắc Bộ Phủ. Đây mới chính là hình ảnh của hai cuộc đời, về những ác chúa từng miền, những xác ướp bạo quyền. Có nhận rõ sự thật của lịch sử, chúng ta mới không thấy cay mắt khi khai quật và trên hết là đủ can đảm lấp kín cái tội hèn của chính mình, khi công khai nói lên những điều muốn nói.Mường Giang – Xóm Cồn, Tháng 6-2005

### • Một Cái Nhìn Khác Về Ông Nguyễn Văn Thiệu

Khoảng tháng Giêng năm 1972, John Paul Vann nói, “ Thực tế không thể chối cãi là đại đa số dân chúng ... khoảng 95 phần trăm – thích chính quyền Việt Nam (Cộng Hòa) hơn là một chính quyền Cộng Sản hay là chính quyền trao cho phía bên kia.” Thật đáng buồn, ngày nay nhiều người miền Nam Việt Nam đang chỉ trích theo quan điểm của họ về Tổng Thống Thiệu.

Một Cái Nhìn Khác Về Ông Nguyễn Văn Thiệu: Tổng Thông Nguyễn Văn Thiệu không phải là bù nhìn của Mỹ (1)

Tác giả: LEWIS SORLEY

Toàn Như chuyển ngữ

LỜI GIỚI THIỆU: Nhân dịp Liên Hội Cựu Chiến Sĩ VNCH vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, Hoa Kỳ, vừa tổ chức Lễ Giỗ lần thứ 7 cố Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu vào ngày 28-9-2008 vừa qua, chúng tôi xin giới thiệu đến quý bạn một bài báo của tác giả Lewis Sorley đã có một cái nhìn khác về ông Nguyễn Văn Thiệu. Tác giả là một cựu đại tá trong quân đội Hoa Kỳ đã hồi hưu, từng phục vụ tại Việt Nam trong thập niên 1960. Bài báo đăng trên tạp chí VIETNAM Magazine, tạp chí của các cựu chiến binh Mỹ tham chiến tại Việt Nam, ấn bản tháng Tư 2004. (TN)

Đọc những báo chí Mỹ trong thời kỳ Chiến Tranh Việt Nam, người ta có thể nghĩ rằng vị cựu tổng thống Việt Nam Cộng Hòa từ 1965 đến 1973 (2) là một kẻ bất tài, làm theo sự sai khiến của Hoa Kỳ.

Nguyên nhân là vì cái tinh thần phản chiến mạnh mẽ trong thời gian đó và cái khuynh hướng nghi ngờ việc chọn lựa các vị tổng thống đang phải đương đầu với một cuộc chiến bất bình thường. Cho nên, Thiệu không là gì khác hơn là một gã bù nhìn.

Trong những giai đoạn đẫm máu nhất của cuộc chiến, ông (Thiệu) đã chủ trì những diễn biến chính trị phức tạp và sôi nổi và mỗi chuyển động của ông đều được ghi lại trên trang nhất của báo chí Hoa Kỳ mô tả chiến tranh trong đầy rẫy khổ ải. Mặc dù vậy, trong khi chiến đấu chống lại một sự xâm lấn từ bên ngoài và một sự nổi dậy từ bên trong đang được ủng hộ và yểm trợ bởi Trung Quốc và Liên Xô, ông đã thực hiện được các chính quyền dân cử từ cấp quốc gia cho tới các xã ấp. Ông đã mở rộng và – với sự yểm trợ cố vấn và trang bị của Hoa Kỳ – chấn chỉnh quân lực để đảm nhận cái gánh nặng từ việc rút lui của quân lực Hoa Kỳ. Thiệu đã đích thân chỉ huy một chương trình bình định để phá vỡ sự xâm nhập (của VC) đang diễn ra tại nông thôn qua cưỡng ép và khủng bố, bằng cách ban hành một chương trình cải cách ruộng đất cấp cho 400.000 nông dân chủ quyền khoảng 2,5 triệu mẫu ruộng. Ngoài ra, ông còn tổ chức cho 4 triệu dân vào Lực Lượng Nhân Dân Tự Vệ, một lực lượng bán quân sự với 600.000 vũ khí.

Thiệu sinh ra ở Ninh Thuận và đi học tại những trường Thiên Chúa Giáo tại Huế. Ngay sau Thế Chiến II, ông đã có thời gian ngắn theo Việt Minh, nhưng đã sớm từ bỏ vì những khuynh hướng thiên về cộng sản của nó. Thiệu sau đó theo học trường Võ Bị Quốc Gia ở Huế rồi chiến đấu cho Pháp chống lại Việt Minh. Sau khi người Pháp ra đi và Việt Nam bị chia đôi, Thiệu đã tiến rất nhanh trong QLVNCH và trở thành một sĩ quan cấp tướng năm 1962 (3). Năm 1963, ông là một trong những người lãnh đạo cuộc đảo chánh lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Năm 1967, Thiệu được bầu làm tổng thống theo một bản hiến pháp mới.

Đại Sứ Ellsworth Bunker biết rất rõ về Thiệu. Bunker nhận xét, “Ông ta giải quyết vấn đề một cách khôn khéo và thông minh. Ông ta là một cá nhân có khả năng hiểu biết rất sâu sắc. Ông ta quyết định ngay từ đầu tuân thủ theo hiến pháp, chứ không cai trị theo kiểu các ông tướng mà nhiều người trong số đó mong muốn ông thực hiện.”

Thiệu bị áp lực phải thay thế những kẻ tham nhũng và kém khả năng đang ở trong những vị trí cao, và chỉ giữ lại một số trung thành, nếu không thể loại trừ tất cả. Thời gian đầu trong nhiệm kỳ tổng thống ông đã giải thích lý do với một sĩ quan cao cấp Hoa Kỳ rằng: “Việc thanh lọc toàn bộ số sĩ quan Miền Nam không thể nào đơn giản, bất cứ sự thay đổi chỉ huy chính yếu nào cũng phải được nghiên cứu phối hợp một cách cẩn thận. Quân đội không thể để cho chính trị loại bỏ trong một đêm. Quân đội đã và đang là người hỗ trợ về chính trị chủ yếu và là lực lượng duy nhất nối kết quốc gia.” Bunker và vị tư lệnh Hoa Kỳ, Tướng Creighton Abrams, hiểu rõ chuyện này và cả hai đều kiên nhẫn và thông cảm, nhưng họ cũng đưa ra những đề nghị nhắm vào một số sĩ quan cao cấp không thích hợp. Vì vậy thỉnh thoảng đã có những sự thay đổi trong việc chỉ huy ở miền Nam Việt Nam. Nhưng chưa bao giờ có thể có một sự trong sạch hóa toàn diện. Không chỉ vì e sợ những xáo trộn về chính trị, mà còn vì một số những sự thay đổi thiết yếu vẫn chưa sẵn sàng.

So sánh với sự lãnh đạo của Hoa Kỳ trong cùng thời gian người ta có thể có những kết quả thú vị. Chẳng hạn như Nguyễn Văn Thiệu khi tranh luận có thể được coi là một người lương thiện và đứng đắn hơn cả Lyndon Johnson và – tuy khác biệt trong một số trường hợp – hoàn toàn như là một vị tổng thống có ảnh hưởng hơn của quốc gia ông. Vào lúc đó, người ta cũng cho rằng Thiệu có nhiều tự do quyết định cho xứ sở ông hơn cả LBJ (4) đối với nước Mỹ.

Những viên chức hàng đầu của Mỹ đều nhìn nhận tầm quan trọng của Thiệu, đặc biệt trong việc bình định. Abrams nhận xét, “Ông ấy biết về bình định hơn bất kỳ người Việt Nam nào.” William Colby (5) nói, Thiệu là “viên chức bình định số một.”

Tại Vũng Tàu, 1400 trường ấp, đại diện cho khoảng ba phần tư các trường ấp ở Miền Nam Việt Nam, đã tham dự một khóa huấn luyện trong năm 1969. Thiệu đã đến thăm từng người trong các lớp học này, khuyến khích các trường ấp trở về nhà hãy nói rằng “Tổng thống Thiệu đã nói với tôi rằng ...”

Cuối năm 1969, tình hình đã tiến triển khả quan đến nỗi John Paul Vann (6), người đã đóng một vai trò rất quan trọng trong công tác bình định, đã nói với cử tọa ở Princeton rằng, “Hoa Kỳ đã thắng cuộc chiến tranh quân sự và đang thắng một cuộc chiến tranh chính trị xuyên qua Thiệu.”

Mặc dù Cộng Sản không ngừng tiên đoán về một “cuộc tổng nổi dậy” ở Miền Nam Việt Nam, nhưng trên thực tế đã không hề có một cuộc tổng nổi dậy nào như thế. Đối với bất kỳ một nhà quan sát cụ thể nào, dường như chẳng ai ngạc nhiên về những thành tích của cộng sản qua những vụ ám sát, bắt cóc, đánh bom khủng bố, cưỡng bách và pháo kích bừa bãi vào những khu dân cư ở Miền Nam Việt Nam. Đó là những hành động khó mà chinh phục được trái tim và khối óc của các nạn nhân.

Vào tháng 4 năm 1968, Tổng Thống Thiệu đã chống lại lời khuyên của tất cả các vị cố vấn để tổ chức Lực Lượng Nhân Dân Tự Vệ. Ông biện luận, “chính phủ phải dựa vào sự ủng hộ của dân chúng, và nó cũng chẳng có giá trị gì nếu chúng ta không dám trang bị vũ khí cho họ.”

Sau cùng khoảng 4 triệu người, những người quá già hoặc quá trẻ cho quân vụ chính quy, được ghi danh vào Lực Lượng Nhân Dân Tự Vệ. Qua sự thiết lập này, chính quyền Thiệu đã có sự ủng hộ của chính dân chúng, qua Lực Lượng Tự Vệ với những vũ khí mà nó có không phải để chống lại chính quyền mà là để chiến đấu chống lại sự thống trị của Cộng Sản. Tháng Mười năm 1971, trong một cuộc chiến đấu cam go, Tổng Thống Thiệu đã được tái cử trong một cuộc bầu cử độc diễn. Nhiều người chỉ trích ông về việc này, và đề nghị không công nhận cuộc thắng cử của ông. Nhưng trong cuộc bầu cử đó, mặc dù kẻ thù kêu gọi tẩy chay và cử tri là mục tiêu bị đe dọa, nhưng kết quả 87.7 % cử tri đi bầu và 91.5 % bầu cho Thiệu đã là một sự ngạc nhiên.

Đó là con số cử tri đi bầu lớn nhất trong lịch sử Việt Nam. Nếu nó chẳng ra gì (vì không có đối thủ), hay nếu công chúng không chấp thuận sự lãnh đạo của Thiệu, tại sao họ lại đi bầu đông như thế, với những rủi ro cá nhân có thể hay thực sự xảy ra, nếu không phải để biểu lộ sự ủng hộ việc tái cử của Thiệu? Câu trả lời rõ ràng là đại đa số đồng bào đánh giá cao các việc làm của Thiệu và mong mỗi ông tiếp tục ở lại nhiệm vụ.

Khoảng tháng Giêng năm 1972, John Paul Vann nói, “Thực tế không thể chối cãi là đại đa số dân chúng ... khoảng 95 phần trăm – thích chính quyền Việt Nam (Cộng Hòa) hơn là một chính quyền Cộng Sản hay là chính quyền trao cho phía bên kia.”

Thật đáng buồn, ngày nay nhiều người miền Nam Việt Nam đang chỉ trích theo quan điểm của họ về Tổng Thống Thiệu. Tôi đã nói chuyện về vấn đề này với nhiều người bạn Việt Nam đang sống ở Mỹ. Gần đây, một người đặc biệt, có học thức và thông thái, đã làm tôi ngạc nhiên khi nói rằng người Việt đã cho rằng Tổng Thống Thiệu đã lừa dối họ. Tôi đã hỏi lại ông ấy là lừa dối như thế nào. Người bạn đó đã trả lời: “Ông ấy biết người Mỹ sẽ bỏ chúng tôi, nhưng đã không nói cho chúng tôi biết.”

Tôi cho rằng đó là một quyết đoán quá khe khắt và còn cần tranh luận. Đại Sứ Bunker còn nhớ đã trao riêng cho Tổng Thống Thiệu ba lá thư của Tổng Thống Nixon mà trong đó “ông đã cam kết” sẽ trợ giúp miền Nam Việt Nam “trong bất kỳ sự vi phạm hiệp ước bởi phía bên kia.” Nhưng, Bunker nhận xét, “Quốc Hội ... đã làm cho nó bất khả thi.”

Kết quả ra sao? Bunker nói một cách rõ ràng rằng “Tôi nghĩ đó thực sự là một sự phản bội miền Nam Việt Nam.” Cũng thật khó cho Tổng Thống Thiệu có thể tiên đoán được cái hành động đáng hổ thẹn như vậy của Hoa Kỳ.

Vài ngày trước khi Sài Gòn thất thủ trong năm 1975, Thiệu đã phải sống cuộc đời lưu vong, đầu tiên là ở Đài Loan, sau tới Anh quốc và cuối cùng là Hoa Kỳ. Ông đã từ trần trong năm 2001. Nguyễn Văn Thiệu đã đương đầu một cách anh hùng trong những năm dài chiến tranh đầy cam go, ông đã nhận được – dù ông có nhận hay không – sự ngưỡng mộ và lòng biết ơn của tất cả những ai mong muốn cho một miền Nam Việt Nam tốt đẹp. (TOÀN NHƯ' chuyển ngữ)



## Chú thích:

(1) tạm dịch từ “South Vietnamese President Nguyen Van Thieu was far from the American patsy he is often portrayed to have been”, Vietnam Magazine, APR. 2004, Volume 16/Number 6.

(2) đúng ra ông Nguyễn Văn Thiệu làm tổng thống từ năm 1967 đến ngày 30/4/1975; còn từ năm 1965 đến 1967, ông là chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia (chức vụ tương đương quốc trưởng).

(3) năm 1962, ông Thiệu còn là đại tá.

(4) LBJ là chữ viết tắt tên TT. Lyndon Baine Johnson

(5) William Colby là trưởng Chi Nhánh CIA tại Việt Nam, sau giữ chức giám đốc CIA tại Hoa Kỳ.

(6) John Paul Vann (1924-1972): Nguyên là một Trung Tá trong quân lực Hoa Kỳ sau đã giải ngũ, phục vụ 2 nhiệm kỳ tại Việt Nam trong vai trò cố vấn. Từ năm 1962 đến 1963, là cố vấn cho Đại Tá Huỳnh Văn Cao (sau là thiếu tướng), tư lệnh Sư Đoàn 7. Trở lại VN năm 1965 làm việc cho cơ quan USAID, sau là cố vấn cho Vùng II Chiến Thuật bị tử nạn máy bay năm 1972 tại KonTum.

### • Một Góc Khác của T.T. Nguyễn Văn Thiệu

**Nhà văn Trần Phong Vũ** vừa phỏng vấn ông **Nguyễn Văn Ngân**, phụ tá đặc biệt của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Nội dung cuộc phỏng vấn giúp chúng ta hiểu thêm một vài góc cạnh khác của ông Thiệu, nhưng không trả lời được câu hỏi đau xót nhất là vai trò của ông trong việc phá tan hai quân đoàn 1 và 2, và để mất một nửa đất nước.

### Ông có thi hành mệnh lệnh của Hoa Kỳ không?

Thái độ của ông, bỏ đất nước, bỏ dân chúng và quân đội để thoát thân theo vợ, con ra ngoại quốc có là chỉ dấu cho thấy ông “mua” sự an toàn của bản thân và gia đình ông bằng cái giá dâng hiến đất nước cho Việt Cộng không?

Trung tướng Ngô Quang Trưởng, tư lệnh Quân Đoàn 1, và thiếu tướng Phạm Văn Phú, tư lệnh Quân Đoàn 2, đã nêu lên nhiều nghi vấn về những mệnh lệnh rút quân của ông. Tôi trân trọng đề nghị nhà văn Trần Phong Vũ và ông Nguyễn Văn Ngân khai phá những bí mật còn gói kín này. Ông Ngân có thể không biết chi tiết, nhưng chắc chắn ông cũng có thể giúp đánh giá thái độ của ông Thiệu trong những ngày Việt Nam bị bức tử, có thể với sự đồng lõa của ông Thiệu. Ông Vũ giải thích nguyên nhân thực hiện cuộc phỏng vấn, và giới thiệu ông Ngân: “Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, vai chính nắm giữ chìa khóa mở vào những bí ẩn của một giai đoạn lịch sử, đã vĩnh viễn ra đi ngày 29-9-2001 không để lại một vết tích nào, ít nữa là về phía ông. Không hồi ký. Không di chúc chính trị. Ông lặng lẽ trở về lòng đất mang theo một trời tâm sự u uẩn của một nhà lãnh đạo từng được dư luận đặt lên bàn cân với nhiều suy đoán, nhận định, lượng giá khác nhau, đôi khi đối nghịch nhau. Một khuôn mặt thời cơ? Một kẻ tham quyền cố vị? Một lãnh tụ gan lì, nham hiểm, nhiều thủ đoạn? Một người yêu nước cô đơn? Một nhà lãnh đạo quốc gia thông minh, mưu trí, nhưng sinh bất phùng thời? Do một trùng hợp tình cờ, 5 năm sau ngày TT Thiệu từ trần, chúng tôi đã gặp gỡ ông Nguyễn Văn Ngân, nguyên Phụ tá đặc biệt về chính trị của TT Nguyễn Văn Thiệu dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa để thực hiện cuộc phỏng vấn này trong nhiều ngày của tháng 9 năm nay (2006). Là một cộng sự viên lâu năm và là một Phụ tá trẻ tuổi nhất trong số những Phụ tá đặc biệt của TT Thiệu, ông Ngân thường được giới báo chí ngày đó coi là một khuôn mặt bí ẩn. Đối với các chính khách “vòng trong” thì ông là người đã nắm giữ nhiều quyền lực quan trọng trong hậu trường chính trị miền Nam bấy giờ. Ông Nguyễn Văn Ngân khởi sự làm việc với TT Thiệu năm 1965, thời gian ông Thiệu giữ chức Phó Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Quốc phòng trong chính phủ Phan Huy Quát. Năm 1967, ông là đại diện của Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu, Chủ tịch Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia trong liên danh Nguyễn Văn Thiệu Nguyễn Cao Kỳ tại Hội đồng Tuyển cử Trung ương, trong cuộc chạy đua vào dinh Độc lập. Năm 1971, TT Thiệu ủy nhiệm ông chỉ đạo toàn bộ cuộc bầu cử tháng 10-71; ông là tác giả đạo luật bầu cử tổng thống với điều 10 khoản 7 đưa đến tình trạng độc cử. Năm 1974, ông là tác giả tu chính án Hiến pháp tháng 01-74 gia tăng nhiệm kỳ 3 tổng

thống. Ông là người trách nhiệm điều hợp các cơ chế hiến định: Quốc hội, Tối cao Pháp viện, Giám sát viện và có ảnh hưởng quan trọng đến sinh hoạt của các cơ chế này; đồng thời là người tổ chức đảng Dân Chủ là đảng cầm quyền của TT Thiệu gồm hệ thống quân chủng, chính quyền và quân đội. Tháng 5-1974 ông bị TT Thiệu giải nhiệm và buộc phải rời khỏi Việt Nam. Cuối tháng 01-75, ông từ Mỹ và Gia nã đại về nước. Đầu tháng 4 năm ấy ông bị TT Thiệu hạ lệnh cho cơ quan an ninh “cô lập” và chỉ được trả tự do sau khi TT Thiệu rời Việt Nam đi Đài Loan tối ngày 25-4-1975.”

Ông Vũ hỏi ông Ngân: *“Dưới thời Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng như Tổng thống Thiệu, sự lãnh đạo đều có tính cách chuyên hoạnh cá nhân. Điều này có phải vì đầu óc độc tôn, tham quyền cố vị của lãnh tụ như hiện tượng phổ quát trong hầu hết các quốc gia chậm tiến?”*

Đ.- Tại miền Nam Việt Nam dưới thời Tổng thống Diệm và Tổng thống Thiệu có nhiều nguyên nhân đưa đến tình trạng lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân: nền dân chủ phôi thai, sinh hoạt chính đảng yếu kém, xã hội phân hóa, chiến tranh v.v... nhưng một trong những nguyên nhân chính có tính cách quyết định là chính sách can thiệp của người Mỹ. Người Mỹ đã thay thế người Pháp với chánh sách thực dân mới. Vào thế kỷ 19 người Pháp nhân danh khai hóa để khai thác tài nguyên thuộc địa, nay người Mỹ nhân danh dân chủ để khai thác xương máu người Việt Nam trong việc thiết lập một tiền đồn chống Cộng tại Đông Nam Á của chủ thuyết Domino. Người Mỹ đến Việt Nam không vì quyền lợi người Việt Nam mà vì quyền lợi người Mỹ. Nền dân chủ mà người Mỹ xiển dương khi can thiệp vào Việt Nam là nền dân chủ được định nghĩa trong quyền lợi của Mỹ, một thứ pho sản được dùng làm bình phong để thực hiện chính sách chia để trị, thiết lập đạo quân thứ năm, khuyến khích tình trạng vô chính phủ, nội loạn... để dễ bề khuynh loát và khi cần thiết để thực hiện các cuộc đảo chánh và ám sát lãnh tụ quốc gia bằng bàn tay của các tay sai bản xứ. Chánh sách viện trợ hoàn toàn có tính cách tiêu thụ đã được sử dụng như lưỡi gươm Damoclès. Trong khi viện trợ của Nga-Tàu cho Bắc Việt nặng tính cách sản xuất thì viện trợ của Mỹ cho miền Nam Việt Nam hoàn toàn có tính cách tiêu thụ. Trong thời chiến Bắc Việt có khu kỹ nghệ nặng gang thép Thái Nguyên và cục quân giới của tướng Trần đại Nghĩa có khả năng cải tiến Sam 2 bằng cách ngăn chặn hệ thống nhiễu sóng radar và đạt tầm cao hạ máy bay B52 của Mỹ bấy giờ được xem là loại máy bay bất khả xâm phạm có sức oanh tạc phá hoại ghê gớm thì kỹ nghệ quốc phòng của miền Nam Việt Nam là con số không. Những dự án xây dựng cơ sở đúc súng đạn, nhà máy lọc dầu, phân bón... từ thời tổng thống Ngô Đình Diệm đều bị người Mỹ ngăn chặn. Đối với một dân tộc, dù viện trợ có tính cách sản xuất, muốn sử dụng hữu hiệu cũng đòi hỏi phải có tinh thần tự lực, tự cường; hướng hồ dân tộc đó vừa thoát khỏi ách đô hộ trăm năm của thực dân Pháp, chính sách viện trợ hoàn toàn có tính cách tiêu thụ chỉ nhằm mục đích làm tê liệt ý chí đề kháng và nô lệ hóa. Cùng với chính sách viện trợ có tính cách tiêu thụ và nhân danh dân chủ để can thiệp vào nội bộ quốc gia được viện trợ, chính quyền của quốc gia được viện trợ bị xem là công cụ của ngoại bang, đã đẩy một số quân chủng đi về phía cộng sản và dưới mắt thế giới Việt Nam Cộng Hòa đã bị cô lập, cuộc chiến đấu bảo vệ dân chủ và tự do của nhân dân miền Nam Việt Nam bị mất chánh nghĩa. Những khó khăn thực sự của ông Diệm và ông Thiệu phát xuất từ chính sách can thiệp của người Mỹ, có thể nói nếu giải quyết được những khó khăn này thì sẽ giải quyết được 90% những khó khăn trong việc xây dựng đất nước và chống cộng. Để đối phó với chánh sách hai mặt của người Mỹ, ông Diệm và ông Thiệu bị dòn vào thế lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân, và như một vòng luẩn quẩn không lối thoát, sự lãnh đạo có tính cách chuyên hoạnh cá nhân đã làm mất hậu thuẫn rộng rãi trong quần chúng. Chính sách thực dân mới của người Mỹ là yếu tố có tính cách quyết định đã làm sụp đổ miền Nam Việt Nam. Sau Thế chiến thứ I, Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Thế Truyền đã đưa ra một bản cáo trạng lên án thực dân Pháp, thiết tưởng chế độ thực dân mới của Mỹ còn tàn bạo gấp nhiều lần so với thực dân cũ vì sau 30/4/75 Việt Nam Cộng Hòa đã hoàn toàn bị xóa sổ trên bản đồ thế giới.

*H.- Ông có đồng ý rằng chế độ đệ I và đệ II Cộng hòa cũng như ông Diệm và ông Thiệu đã được Hoa Kỳ yểm trợ nếu không muốn nói là đã góp phần quyết định?*

Đ.- Không ai phủ nhận điều đó. Cũng như chế độ miền Bắc với Hồ Chí Minh. Đó là hậu quả đương nhiên của một thế giới lưỡng cực sau thế chiến thứ hai mà Việt Nam là một điểm nóng trong cuộc

tranh chấp giữa tư-bản và cộng-sản. Người ta có thể nói Hồ Chí Minh là công cụ của cộng-sản quốc tế nhưng ông Diệm và ông Thiệu trong thực tế không phải là tay sai của Mỹ. Hồ Chí Minh đã áp đặt chế độ cộng sản trên đất nước, thay thế xiềng xích nô lệ thực dân, phong kiến bằng xiềng xích cộng sản; sự dã man và tàn bạo như thế nào thì tất cả mọi người đều biết. Và hậu quả di lụy của tinh thần nô lệ đã khiến cho một dân tộc vốn giàu lòng hy sinh, siêng năng, nhẫn nại, đã chiến thắng trong chiến tranh nhưng đã thất bại trong hòa bình đất nước tự hậu trong đà tiến của nhân loại. Sau Hiệp Định Genève 1954, người Pháp rút lui để lại miền Nam Việt Nam hoàn toàn bị kiệt quệ vì chiến tranh để chống lại cộng sản quốc tế và Bắc Việt, chúng ta chỉ còn tài nguyên nhân lực là máu để đánh đổi viện trợ Mỹ cùng với các điều kiện áp đặt, không còn một sự lựa chọn nào khác. Ông Diệm và ông Thiệu đã lãnh đạo đất nước trong những điều kiện vô cùng khó khăn: xây dựng chế độ dân chủ trên một xã hội băng hoại bởi phân hóa với lịch sử ngàn năm phong kiến, nô lệ ngoại bang, chưa hề kinh qua một giai đoạn quá độ có ý niệm về dân chủ, tự do không phải là một công việc dễ dàng; đồng thời phải chống lại xâm lăng cộng sản và chánh sách thực dân mới của đồng minh Mỹ, những người quốc gia Việt Nam đã phải chiến đấu sinh tồn trong một hoàn cảnh nghiệt ngã, trong cái thế trên đe dưới búa, giữa gọng kềm tư bản và cộng sản. Chế độ đệ I và đệ II Cộng Hòa của miền Nam trước 1975 đều có nhiều khuyết điểm nhưng không ai có thể phủ nhận rằng các cấu trúc chính trị, xã hội, kinh tế ngày đó đã đặt nền móng vững chắc làm bệ phóng dẫn đầu những con rồng Á Châu sau này để trở thành một quốc gia hùng cường tại Đông Nam Á. Tổng thống Ngô Đình Diệm là một nhà ái quốc, người của chủ nghĩa dân tộc, đã bị người Mỹ giết vì bảo vệ chủ quyền quốc gia. Chính biến 1/11/63 và cái chết của ông là sự thất bại chung cho tất cả mọi người quốc gia Việt Nam về một giải pháp quốc gia. Hậu quả là việc quân đội Mỹ trực chiến và sự sụp đổ miền Nam Việt Nam 30/4/75. Chúng ta đã bị lôi kéo vào một cuộc chiến hoàn toàn không cần thiết vì đã không làm chủ được số phận của mình và tất cả dân tộc Việt Nam đều là nạn nhân với hơn hai triệu thương vong, hơn bảy triệu tàn phế, hơn hai triệu người bỏ nước ra đi tị nạn với hàng vạn người vùi thân trong biển cả, đất nước đổ nát... Thời Tổng thống Thiệu khó khăn hơn thời Tổng thống Diệm rất nhiều: hơn nửa triệu lính Mỹ trấn đóng; tòa Đại sứ Mỹ thực tế là một chánh phủ Mỹ tại hải ngoại với một hệ thống cố vấn dày đặc trong tất cả mọi lãnh vực sinh hoạt quốc gia từ trung ương tới địa phương; số lượng nhân viên CIA chỉ sau trụ sở trung ương (Langley), là chi nhánh có nhân viên đông nhất trên thế giới; và ông Thiệu đã phải đối phó với một nghịch lý: trong khi khối cộng sản quốc tế và Bắc Việt tiếp tục leo thang chiến tranh thì người Mỹ thực hiện giải kết bằng cách rút quân trên chiến trường và nhượng bộ chính trị trên sinh mạng miền Nam Việt Nam tại hội đàm Paris. Trong cuộc chiến chống cộng và suốt thời gian lãnh đạo quốc gia, có thể nói 90% thời giờ của ông Thiệu được sử dụng trong nỗ lực không ngừng để tranh thủ và đối phó với người Mỹ mặc dầu phạm vi xoay sở của ông mỗi ngày một thu hẹp; lý do giản dị là chánh sách của Mỹ sẽ quyết định sinh mạng của miền Nam Việt Nam chứ không phải cộng sản. Trong đời chánh trị của ông Thiệu có hai kẻ thù chính là cộng sản và Mỹ, và ông đã mang mỗi hận thù xương tủy người Mỹ đến tận cuối đời. Năm 1983, một buổi chiều ông lái xe cho tôi xem thành phố Londres, ông chỉ vào cái ảnh nhỏ của đứa con út sinh tại Londres sau 1975 gắn gần tay lái, ông nói: khi nó mới tập nói, tôi dạy cho nó: "kẻ thù của con là cộng sản và Mỹ...". Lúc ông chết, ý nguyện của ông muốn hỏa táng để đem tro cốt về Việt Nam nếu có điều kiện, không thì sẽ rải xuống biển chứ không muốn chôn trong lòng đất Mỹ.

*H.- Dù sao ông Thiệu đã cầm quyền 10 năm từ 1965-1975, hòa đàm Paris kéo dài từ 1968 đến 1973 thời gian đủ để tiên liệu và thực hiện những biện pháp cần thiết hầu ứng phó với vấn đề giải kết của Hoa Kỳ nhưng ông Thiệu đã hoàn toàn thụ động. Theo ông, phải chăng tình trạng này đã đóng góp vào sự sụp đổ của miền Nam ngày 30/4/75?*

Đ.- Ông Thiệu thực sự cầm quyền qua cuộc bầu cử tháng 9/1967. Trong khi quân đội Mỹ còn đổ quân vào Việt Nam thì ông Thiệu đã đưa vấn đề giải quyết chiến tranh như một trong ba vấn đề căn bản của chương trình tranh cử: Xây dựng dân chủ Giải quyết chiến tranh Cải tạo xã hội. Sau vụ Tết Mậu thân 1968, ông Thiệu là người chủ động đưa ra đề nghị Hoa Kỳ có thể thực hiện việc rút quân từng giai đoạn trong mục tiêu tranh thủ thời gian đổi lấy viện trợ kinh tế và quân sự vì ông hiểu Việt Nam Cộng Hòa sẽ không có tư thế tại hội nghị hòa đàm nếu không chủ động trên chiến trường v.v.... Nếu cai trị là tiên liệu thì ông Thiệu là người có khả năng tiên liệu nhưng ông không có khả năng để thay đổi được



chính sách của Hoa Kỳ trong chiến lược toàn cầu mà vị thế địa lý chính trị của miền Nam Việt Nam không còn nằm trong quyền lợi ưu tiên của Mỹ, mặt khác, chúng ta không còn ở vào thời đại có thể dùng “tầm vông vọt nhọn” để chống trả với quân thù. Năm 1967 cùng với việc tiếp tục đổ quân vào Việt Nam đại sứ Bunker đã được Tổng thống Johnson gửi sang Việt Nam với sứ mạng thực hiện việc giải kết để rút quân. Khi Nixon thắng cử 1968, đại sứ Bunker đã được yêu cầu lưu nhiệm cho đến tháng 5/1973 sau khi Mỹ đã thực hiện xong việc rút quân và lấy lại tù binh. Chính sách của đảng Dân Chủ và Cộng Hòa Mỹ trong vấn đề giải kết chiến tranh Việt Nam hoàn toàn có tính cách nhất quán. Nếu sau Hiệp Định Genève 1954, người Mỹ ủng hộ ông Ngô Đình Diệm lật đổ Bảo Đại để thiết lập nền đệ I Cộng Hòa (1956 – 1963) như căn bản chính trị để biện minh cho nhân dân Hoa Kỳ và thế giới về chính nghĩa của sự can thiệp vào Việt Nam nhằm ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản tại Đông Nam Á, thì năm 1967, người Mỹ đã áp lực chính quyền quân nhân phải khai sinh nền đệ II Cộng Hòa, thực hiện chính quyền dân chủ hợp hiến, hợp pháp để đưa Việt Nam Cộng Hòa vào bàn hội nghị và tạo bàn đạp cho Hoa Kỳ hòa đàm với cộng sản để rút quân, lấy lại tù binh, chấm dứt sự can thiệp và để miền Nam cho các phe phái chính trị tự giải quyết trên căn bản “dân tộc tự quyết”, điều mà hai thập niên trước đó Hoa Kỳ không bao giờ chấp nhận.

*H.- Ông nghĩ sao về nỗi căm phẫn của đại đa số quần chúng đối với ông Thiệu sau 30/4/75?*

Đ.- Quần chúng đánh giá lãnh đạo qua sự thành bại, họ có quyền căm phẫn vì họ là lớp người bị hy sinh nhiều nhất cho đất nước cũng như phải gánh chịu những hậu quả bi đát nhất sau 30/4/75 nỗi căm phẫn của họ là chính đáng; hơn nữa người lãnh đạo cũng như thuyền trưởng một con tàu, dù tàu chìm bởi bất cứ lý do gì thì thuyền trưởng phải là người rời tàu sau cùng hoặc phải chết theo tàu; mặt khác họ không ở cương vị để có thể nhìn vào mặt trái của cuộc chiến vừa có tính cách nội chiến vừa có tính cách ủy-nhiệm mà những yếu tố quyết định hoàn toàn nằm ngoài tầm tay của người quốc gia. Tôi nhớ vào khoảng 1990 ông Thiệu có buổi nói chuyện với một số đồng bào tại Westminster, California, một người đàn bà được một tổ chức chống đối sắp đặt đã cầm micro chửi bới ông Thiệu nặng nề. Ông Thiệu chỉ trả lời: tôi rất thông cảm với nỗi căm phẫn của bà. Tôi hiểu sự im lặng của ông, nỗi cô đơn và cay đắng ông đã mang theo đến cuối đời. Ông Thiệu đã chết chắc hẳn không cần tôi biện hộ. Tôi cũng không làm công việc biện hộ mà chỉ nói lên sự thực mà tôi biết ” tôi không có bản phận tranh luận với bất cứ ai và cũng không nhằm thuyết phục bất cứ người nào. Đối với tôi, nói những điều tốt mà người ta không có cũng tệ hại như nói những điều xấu mà người ta không phạm phải vì tất cả đều là dối trá”, nhất là đối với những người có đời sống công liên hệ đến vận mạng quần chúng thì còn là vấn đề trách nhiệm. Ông Thiệu có những lỗi lầm trầm trọng trong vấn đề lãnh đạo quốc gia cũng như có những sai phạm cá nhân ảnh hưởng đến uy tín lãnh đạo. Ông là một nhà chính trị thực tiễn mà hoàn cảnh và môi trường trưởng thành không thể tạo ông thành một kẻ tử đạo. Tuy nhiên, đến nay tôi vẫn nghĩ rằng nếu sự hy sinh có thể cứu vãn tình thế thì ông sẽ không tử nạn. Lần tôi gặp lại ông ở Londres, ông nói như tâm sự: làm một người lính ra trận và hy sinh là một hành động dũng cảm, nhưng làm sao có thể sống sót để tiếp tục cuộc chiến đấu thì thật là khó. Xét định một con người cần nhìn vào tổng thể và đặc biệt là những giờ phút nghiêm trọng sinh mạng bị thử thách. Không thể chỉ dùng những sự việc tiêu cực để tổng quát hóa mà phải xét đến các mặt tích cực của cá nhân đó. Tuy nhiên việc định công luận tội là công việc của lịch sử sau này.

*H.- Nhiều hồi ký chính trị nói rằng ông Thiệu luôn luôn bị ám ảnh bởi việc người Mỹ thăm sát các ông Diệm, Nhu nên thường thay đổi chỗ ngủ hàng đêm v.v.... Điều này có thực không, và nếu thực thì đã ảnh hưởng như thế nào đến vấn đề lãnh đạo?*

Đ.- Hàng năm đến 1/11, ông Thiệu có xin thánh lễ cầu hồn cho cố Tổng thống Diệm và ông cố vấn Nhu tại dinh Độc-Lập. Ông Thiệu có kể cho tôi nhiều lần về sáng 2/11/63 sau khi thanh toán mục tiêu dinh Gia-long, ông về trình diện Bộ Tổng Tham- Mưu và sau đó có ra lệnh cho lính mở bửng thiết vận xa để chào thi hài ông Diệm, Nhu trước khi về nhà. Tôi thường qua chỗ ở của ông Thiệu để làm việc những khi ông không qua văn phòng và có khi làm việc trong phòng ngủ khi ông bị đau, tôi không thấy dấu hiệu thay đổi chỗ ngủ hàng đêm như đồn đại sau này. Có những biện pháp an ninh lúc ông đi ra ngoài, chẳng hạn mặc áo chắn đạn, hoặc cái podium ông đứng nói chuyện ngoài bằng gỗ nhưng trong có tấm

thép chắn đạn, những biện pháp an ninh đặc biệt trong các cuộc diễn binh v.v... Tôi không để ý những chuyện này, đây là công việc của bộ phận an ninh. Chỉ có điều là những đề phòng này nhằm về phía Mỹ hơn là cộng sản. Thực ra ông Thiệu đã sống trong sự đe dọa thường trực của người Mỹ về đảo chánh và ám sát suốt thời gian từ lúc cầm quyền 1967, đến lúc rời Việt Nam đi Đài Loan 1975. Đồng minh Mỹ là một đồng minh bất trắc, khó tiên liệu, và ông Thiệu luôn ở trong tình trạng của người làm xiếc đi dây nguy hiểm. Có lần tôi lưu ý ông Thiệu về trường hợp Tổng Thống Magsaysay, Lý Thừa Vãn, Ngô Đình Diệm, ông Thiệu nói với tôi là ông không có an ninh... Trong giai đoạn giải kết, quyền lợi của Hoa Kỳ và của Việt Nam Cộng Hòa tách rời đi đến đối nghịch, trong khi đó quyền lợi của Hoa Kỳ và của cộng sản xích lại gần nhau để đi đến thỏa hiệp chung. Nếu cộng sản áp dụng chính sách vừa đánh vừa đàm với Việt Nam Cộng Hòa và phối hợp cuộc đấu tranh trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao thì chính sách của “đồng minh” Hoa Kỳ đối với “đồng minh” Việt Nam Cộng Hòa cũng tương tự: cà rốt và cây gậy đã được áp dụng triệt để với ông Thiệu trên mọi bình diện để buộc Việt Nam Cộng Hòa phải chấp nhận đường lối thương thuyết nhượng bộ cộng sản của Mỹ. Người Mỹ đã tiếp tay với cộng sản trong việc cổ vũ, ủng hộ các phong trào phản chiến, đòi hòa bình, hòa hợp hòa giải dân tộc, lực lượng thứ ba... mà thực chất là những tổ chức trá hình của cộng sản nhằm phá vỡ thể hợp hiến, hợp pháp của chế độ VNCH, và đã không ngần ngại đâm sau lưng những người lính VNCH đang chiến đấu trong cái gọi là chương trình “Việt Nam hóa chiến tranh” để người Mỹ rút quân. Ông Thiệu nói với tôi vụ sự đoàn 3 rút bỏ Quảng Trị 1972 là một “sabotage politique”. Nixon đã viết thư cho ông Thiệu nhắc đến ý đồ thanh toán ông Thiệu của chính quyền Johnson vào năm 1968 và vụ đảo chánh 1/11/63 như một đe dọa trực tiếp nếu ông Thiệu không tuân thủ những đòi hỏi của Mỹ. Vào những tháng cuối trước khi ký HĐ Paris, ông Thiệu nuôi ý định tự sát như một phương cách chống trả cuối cùng. Vào lúc căng thẳng này chúng tôi đã triệu tập đại hội nghị viên toàn quốc về Saigon, tuần hành vào dinh Độc Lập cùng các dân biểu, nghị sĩ ủng hộ lập trường “bốn không” của ông. Tài liệu của đại sứ Bunker đã ghi nhận ý định tự sát này của ông Thiệu qua một báo cáo của ông Trần Thiện Khiêm ghi âm cuộc đối thoại giữa ông Thiệu, Khiêm. Chính ý định tự sát này đã khiến ông Thiệu “lì lợm” trước những đe dọa của Nixon và đã đưa đến những nhượng bộ của Nixon bằng những cam kết mật. Mỗi lần nhớ đến ông Thiệu, thực sự tôi không nghĩ đến những vinh quang bề ngoài của một Tổng Thống mà là những chuỗi ngày khó khăn của đất nước, những áp lực có tính cách quyết định ngày đó của Hoa Kỳ đã đè nặng lên ông, ông đã chiến đấu như một người lính đơn độc không vũ khí, bằng lòng dũng cảm và sinh mạng của chính mình. Tôi không có đức tin tôn giáo nhưng tôi vẫn cầu mong cho ông, một tín đồ ki-tô-giáo, được bình an và thanh thản nơi vĩnh hằng.

*H.- Có phải Tổng thống Thiệu nói với ông là việc sự đoàn 3 tháo chạy đã để lại “đại lộ kinh hoàng” và Quảng Trị thất thủ vào tháng 5/72 là một “sabotage politique” của người Mỹ?*

Đ.- Đúng như vậy. Hậu quả đã để lại hơn 20 ngàn thương vong trên “đại lộ kinh-hoàng.”

*H.- Ông Thiệu đã nói với ông trong bối cảnh nào?*

Đ.- Ngay hôm Quảng Trị thất thủ. Hôm đó vào lúc xế chiều tôi đang họp trung ương đảng bộ Dân-Chủ tại lầu nhà trắng trong khuôn viên dinh Độc-Lập thì được điện thoại của nhân viên văn phòng cho biết đại tá Đỗ Đức Tâm, thuyết trình viên quân sự của Tổng Thống đang có mặt tại Văn Phòng của tôi để thuyết trình về tình hình quân sự sau khi vừa thuyết trình cho Tổng Thống xong. Vì bận họp nên tôi yêu cầu đại tá Tâm gặp tôi tại lầu nhà trắng để thuyết trình cho tất cả cùng nghe. Sau phần thuyết trình, tôi nhớ rõ câu hỏi sau cùng của nghị sĩ Trần Trung Dung, nguyên Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng của Tổng thống Diệm: “liệu chúng ta có giữ được Quảng Trị không?” Đại tá Tâm “...chắc chắn chúng ta giữ được.” Chừng nửa giờ sau, điện thoại trên bàn họp reo, tôi nhắc máy, đầu dây là đại tá Tâm cho biết trung tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh quân đoàn I vừa điện trình Tổng Thống là Quảng trị đã thất thủ trưa hôm nay. Sự việc cho thấy là Trung tướng Lãm không biết sự đoàn 3 rút bỏ Quảng trị và như vậy là đã có một “sự cố bất thường” xảy ra nên tôi bỏ phòng họp đi gặp Tổng thống Thiệu ngay lúc đó. Tôi thấy ông rất bình tĩnh. Ông nhìn tôi nói: tôi điện thoại gần như mỗi ngày cho ông Lãm về tình hình quân sự Quảng trị, tối qua tôi còn nhắc ông Lãm phải coi chừng “thằng cộng sản” ngày 1/5, ông Lãm bảo đảm với tôi là không việc gì, thế mà như vậy. Ông dặn mạnh: đây là một “sabotage politique”. Lúc bấy

giờ chỉ có tôi và ông. Những chuyện như vậy thuộc loại “cắm kỵ không phải có thể nói với bất cứ ai và không bao giờ ông nói khi có sự hiện diện của người thứ ba. Đó là nguyên tắc ngăn cách ông vẫn thường áp dụng và cũng là cách để bảo đảm sự an toàn cho chính ông. Trong trường hợp này, ông Thiệu là người duy nhất có đủ yếu tố chính trị để thẩm định, vì ông là người trực tiếp chịu các áp lực của Mỹ. Bấy giờ là tháng 5/1972, trong mật đàm Paris Mỹ và cộng sản đã đạt được các thỏa thuận căn bản, chỉ còn trở ngại về phía ông Thiệu. Gần đây tôi có đọc một chứng liệu của Đại sứ Bunker thuật lại phiên họp tại dinh Độc-Lập một ngày sau khi Quảng trị thất thủ giữa Đại sứ Bunker, Tướng Abrams và Tổng thống Thiệu. Ông Thiệu đã không hề quy trách cho các giới chức quân sự Việt Nam, ông im lặng một cách khó hiểu và mãi đến phút cuối cùng “bật nói”: “...không có lý do gì Quảng trị lại bị thất thủ, tướng Giai phải chịu trách nhiệm về việc này.” Tướng Vũ Văn Giai, Tư lệnh sư đoàn 3 giới tuyến, được di tản bằng trực thăng của Mỹ, bỏ lại binh sĩ và dân chúng với “đại lộ kinh hoàng” – đã bị đưa ra Tòa án quân sự, bị tước đoạt binh quyền và ở tù. Tổng thống Thiệu đã ra lệnh tái chiếm Quảng trị ngay sau đó mặc dầu biết rằng Quảng trị sẽ thành một đống gạch vụn, sẽ phải hy sinh những người lính thiện chiến của những đơn vị thiện chiến nhất mà tổn thất khó có thể bù đắp được trong thực tế bấy giờ nhưng ông đã phải quyết định như vậy, một quyết định chính trị để chứng tỏ quyết tâm của quân dân miền Nam với thế giới, với nhân dân Hoa Kỳ, nhằm chống trả các thỏa hiệp mật giữa cộng sản và Mỹ mà sau này được cụ thể trong Hiệp Định Paris 1973. Cũng tương tự như vậy, việc Trung Cộng chiếm Hoàng Sa vào đầu năm 1974 đã được sự thỏa thuận ngầm của Mỹ để đặt cộng sản Hà Nội sau này trước một “fait accompli”. Ông Thiệu biết Hải Quân Việt Nam không đủ sức đương đầu với hải quân Trung Cộng và hạm đội 7 Hoa Kỳ sẽ không can thiệp nhưng ông vẫn ra lệnh tái chiếm như một chứng liệu về chủ quyền lãnh thổ sau này. Bởi chính sách hai mặt của Hoa Kỳ, nhiều áp lực nặng nề riêng cá nhân ông phải chịu đựng không được chia sẻ và trong nhiều trường hợp ông phải đưa ra những quyết định chuyên độc mà không thể giải thích với đồng bào cùng chiến hữu của ông.

*H.- Nhận định của ông Thiệu về vụ sư đoàn 3 tháo chạy có mâu thuẫn với các quyết định của người Mỹ mở rộng chiến tranh qua các cuộc tấn công của QLVNCH vào hậu cần của cộng sản tại Miền năm 1970 và hành quân Lam Sơn 719 ở Hạ Lào 1971 hay không?*

Đ.- Không. Các cuộc tấn công vào hậu cần cộng sản tại Miền 1970 và Hạ Lào 1971 chỉ có tính cách nhất thời nhằm mục đích chính là dùng xương máu của quân đội VNCH để mở rộng hành lang an toàn cho việc triệt thoái quân đội Mỹ. Ông Thiệu miễn cưỡng phải chấp nhận mở cuộc hành quân Lam Sơn 1971 vì Hạ Lào tiếp giáp với hậu phương lớn Bắc Việt. Khi có dấu hiệu sa lầy ông đã ra lệnh cho trung tướng Hoàng Xuân Lãm đưa ngay một đơn vị vào Tchepone “đái một bãi” (nguyên văn) và rút ra ngay lập tức. Cần lưu ý là chương trình rút quân của Mỹ không phụ thuộc vào khả năng thay thế của quân lực VNCH, và chương trình Việt Nam hóa thực chất chỉ nhằm yểm trợ cho việc rút quân của Mỹ chứ không phải để VNCH có đủ sức đề kháng và tồn tại

*H.- Sau này, nhiều người trong đó có những viên chức chính phủ của ông Thiệu cho rằng ông Thiệu đã dựa vào những cam kết mật của Tổng thống Nixon nên đã chấp nhận ký kết Hiệp Định Paris vì không hiểu rõ tổ chức công quyền của Hoa Kỳ thẩm quyền của hành pháp và lập pháp. Như tiến sĩ Kissinger đã nhận định: đó chỉ là những ý định của Tổng thống Nixon, không có tính cách cam kết quốc gia vì không có phê- chuẩn của quốc-hội.*

Đ.- Vào lúc bấy giờ ông Thiệu cũng hiểu như giải thích của Kissinger sau này, nhưng ông cũng hiểu rõ vị thế yếu kém của VNCH và giới hạn cuối cùng mà ông có thể đòi hỏi ở Nixon. Ông Thiệu có chủ định rõ ràng là mua thời gian còn lại của nhiệm kỳ Nixon trong hoàn cảnh “còn nước còn tát”. Chúng ta cần nhớ rằng không hề có một hiệp ước Việt Mỹ nào về việc Mỹ đổ quân và tham chiến ở Việt Nam cũng như không có một văn kiện pháp lý nào về quy chế trấn đóng của quân đội đồng minh trên lãnh thổ Việt Nam bấy giờ. Những tiểu đoàn TQLC Mỹ đầu tiên đổ bộ vào Đà Nẵng đầu năm 1965 dưới thời chính phủ Phan Huy Quát, ông Thiệu là Tổng trưởng Quốc Phòng kiêm Phó Thủ tướng; ông nói với tôi: tình hình bấy giờ hơn hai phần ba lãnh thổ bị cộng sản ung thối, nếu quân đội Mỹ không can thiệp kịp thì miền Nam mất. Thời đệ I Cộng Hòa, Tổng thống Diệm muốn có một hiệp ước hỗ-tương như ở Đại Hàn nhưng người Mỹ từ chối. Các cố vấn quân sự Mỹ đến và đi không qua sự kiểm soát của nhà

chức trách Việt Nam. Miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến chống cộng sản hoàn toàn bị phụ thuộc Hoa Kỳ, chúng ta không ở vào vị thế có thể đặt điều kiện với họ. Quân đội Mỹ muốn đến là đến, muốn đi là đi, hậu quả là vấn đề đơn phương rút quân, Việt Nam hóa, Hiệp Định Paris. Tương quan Việt Mỹ là một tương quan thực tế mà người Mỹ cố tình không để bị ràng buộc vào những văn kiện pháp lý “giấy trắng mực đen” như ở Triều Tiên, Nhật Bản, Âu châu là những nơi Hoa Kỳ có mục tiêu dài hạn.

*H.- Đến bao giờ thì ông Thiệu mất tin tưởng vào các cam kết mật của Nixon? Vụ ông Thiệu quyết định không tái chiếm Phước Long vào đầu năm 1975 có phải là một trắc nghiệm về những cam kết mật hay không?*

Đ.- Ngay sau cuộc gặp gỡ Thiệu Nixon tại San Clemente tháng 4/73. Về phương diện biểu kiến cuộc gặp gỡ mang nhiều ý nghĩa tích cực như là một sự xác nhận các cam kết mật, sự tiếp tục ủng hộ của Hoa Kỳ với VNCH và đặc biệt với ông Thiệu, nhưng thực tế hoàn toàn trái ngược. Cuộc gặp gỡ mặt đối mặt đã khẳng định cho ông Thiệu thấy không còn hy vọng vào các cam kết mật cũng như các viện trợ quân sự và kinh tế đã được hứa hẹn trước đây. Đây là lý do và thời điểm quyết định việc tu chính hiến pháp: gia tăng nhiệm kỳ 3 tổng thống. Cuộc độc cử 1971 đã làm sút giảm uy tín chính trị của ông Thiệu; Hiệp Định Paris thừa nhận cho quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam, ngưng bắn tại chỗ, chính phủ liên hiệp ba thành phần đã hoàn toàn xóa bỏ lập trường bốn không của ông; người Mỹ đã hoàn tất việc rút quân và lấy lại tù binh; và nay là hiểm họa Hoa Kỳ bỏ rơi... khiến ông Thiệu bị lột truồng như câu chuyện ông vua không quần áo (the emperor without any clothes) và hoàn toàn trắng tay. Tư thế lãnh đạo của ông Thiệu bị đặt trong hoàn cảnh thử thách nghiêm trọng và đây là lý do thực sự của vụ tu chính hiến pháp đã không bao giờ được tiết lộ. Nội dung tu chính bấy giờ được giữ mật vì phải chờ sau cuộc bầu cử bán phần Thượng nghị viện tháng 10/73 mới đủ túc số thực hiện. Việc tu chính không nhằm vào nhiệm kỳ 3 Tổng Thống mà mục đích thực sự là bày tỏ sự tín nhiệm của dân chúng qua Quốc Hội “để tái trang bị tư thế lãnh đạo của ông Thiệu hầu đối phó với tình thế mới. Dù muốn hay không sinh mạng chính trị của ông Thiệu đã gắn liền với sự còn mất của chế độ và sau ông sẽ là trận hồng thủy. Trong cuộc gặp các dân biểu, nghị sĩ ủng hộ tu chính Hiến Pháp tại hội trường khách sạn Majestic vào đêm trước hôm biểu quyết, tôi có nói rõ: “đây không phải là hành động ủng hộ cá nhân Tổng thống Thiệu mà là hành động của mỗi chúng ta để tự cứu”. Có thể họ hiểu là tình hình nghiêm trọng nhưng không biết là đang bị Hoa Kỳ bỏ rơi và đất nước đã ở trên bờ vực thẳm. Nếu Kissinger đã tiên liệu thời gian có thể coi được (decent interval) từ HĐ Paris 1/73 đến lúc miền Nam sụp đổ là một năm rưỡi thì ông Thiệu đã tiên liệu một thời gian ngắn hơn. Đầu năm 1974 cũng là lúc Quốc Hội biểu quyết tu chính Hiến Pháp, ông Thiệu nói tại Hội đồng Tổng trưởng: “...các quan sát viên quốc tế rất ngạc nhiên khi thấy chúng ta còn ngồi ở đây hôm nay, tất cả đều nghĩ rằng miền Nam Việt Nam chỉ có thể tồn tại không quá sáu tháng sau HĐ Paris...”. Như một người chết đuối vớ bất cứ bèo bọt nào, ông ra lệnh mật cho Bộ Tổng Tham Mưu kiểm thính điện đài các dàn khoan để tìm hiểu trữ lượng dầu hỏa với hy vọng Mỹ sẽ không bỏ rơi Việt Nam, ông nói: tôi sẽ làm bộ trưởng dầu hỏa chứ không làm tổng thống. Ông chỉ thị cho chính phủ tạo điều kiện dễ dàng cho ngoại quốc đầu tư, ông nói với tôi: bây giờ cho không để bọn nó vào (đầu tư) cũng phải “cho không”. Đối với cộng sản, cuộc tấn công chiếm Phước Long đầu năm 1975 là một trắc nghiệm về ý đồ tái can thiệp của Mỹ được mệnh danh là đòn “trình sát chiến lược”, sau đó Bộ Chính trị đã quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên và tiếp theo là chiến dịch Hồ Chí Minh. Đối với ông Thiệu quyết định không tái chiếm Phước Long vì sẽ tổn thất rất nặng không thể bù đắp, có chiếm lại cũng không giữ được, lực lượng trừ bị không còn và phải bảo toàn lực lượng cho các cuộc tấn công sắp tới của cộng sản.

*H.- Ngoài việc tu chính gia tăng ba nhiệm kỳ Tổng Thống, còn có việc gia tăng thời hạn mỗi nhiệm kỳ từ 4 năm lên 5 năm. Lý do?*

Đ.- Lý do được viện dẫn của tu chính là chương trình kinh tế ngũ niên nhưng thực là chúng tôi muốn có khoảng cách xa giữa cuộc bầu cử Tổng Thống Mỹ và Tổng Thống Việt Nam vì nhiệm kỳ Tổng Thống Mỹ cũng 4 năm, và cứ 4 năm thì nước Mỹ lại bị một cơn sốt chính trị ảnh hưởng nặng nề đến cuộc bầu cử Tổng Thống Việt Nam. Đây không phải là mục tiêu chính của tu chính Hiến Pháp nhưng nhân việc tu chính Hiến Pháp thì chúng tôi bỏ vào luôn.



H.- Ông Thiệu có tham khảo ý kiến của người Mỹ về việc tu chính Hiến Pháp hay không?  
Đ.- Không.Như tôi đã nói ở trên, nội dung tu chính Hiến Pháp đã được quyết định ngay sau khi Tổng thống Thiệu ở San Clemente về nhưng được giữ mật cho đến sau cuộc bầu cử bán phần TNV tháng 10/73. Đại sứ Martin chỉ được Tổng thống Thiệu thông báo sau khi dự luật tu chính được đệ nạp tại Quốc hội tức là vào khởi đầu giai đoạn công khai. Ông Thiệu nói với tôi: Ngày hôm qua tôi có mời ông Martin vào đây (dinh Độc Lập) để thông báo về việc chúng ta tu chính Hiến Pháp tôi nói với ông Martin là tôi nhận thấy có bốn phận phải thông báo cho ông đại sứ vì Hoa Kỳ là đồng minh chính yếu đã giúp đỡ chúng tôi trong cuộc chiến. Cụ Hương được ông Thiệu thông báo vào lúc dự luật tu chính được đưa cho các dân biểu, nghị sĩ đứng tên tác giả v.v... Nội vụ hoàn toàn được giữ mật cho đến giờ cuối.ÔNG NGÂN NÓI NHIỀU về vai trò xấu xí của người Mỹ tại Việt Nam. Điều này không phải là một khám phá mới.Chúng ta cảm phục chế độ chính trị dân chủ và tổ chức kinh tế, xã hội công bằng và cởi mở của Hoa Kỳ, nhưng nhiều người bất mãn về ngoại chính của họ đối với Việt Nam ngày trước, và đối với nhiều nước khác hiện nay.Ông Ngân cũng thành công trong việc vẽ ra một ông Thiệu sợ Mỹ hơn sợ Việt Cộng, ưu tư và toan tính đối phó với Mỹ hơn là tìm cách bảo vệ miền Nam bằng những phương tiện quân sự eo hẹp hơn, nhưng cũng thích hợp hơn với hoàn cảnh của đất nước.Nhưng ông không trả lời đúng vào câu hỏi thứ 3, về việc ông Thiệu không làm những điều cần phải làm để bảo vệ đất nước trong giả thuyết người Mỹ giải kết. Ông nói ông không bào chữa cho ông Thiệu, nhưng trút toàn bộ trách nhiệm làm mất Việt Nam cho Hoa Kỳ lại là cách bào chữa kiến hiệu nhất.Ông Thiệu sợ Mỹ nhưng cũng chính ông lại tuyên bố là “không có viện trợ Mỹ, tôi không làm tổng thống nữa”, xin ông Ngân giải thích mâu thuẫn này.Quan trọng nhất vẫn là vai trò của ông Thiệu trong những ngày tháng cuối cùng của Nam Việt.

**Nguyễn Đạt Thịnh**

Nguồn : ovv.com